

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 962/VPCP-KTTH
V/v Báo cáo thực hiện Nghị
quyết số 43/2022/QH15 về
chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ
trợ Chương trình phục hồi và
phát triển kinh tế - xã hội và các
nghị quyết của Quốc hội về một
số dự án quan trọng quốc gia
đến hết năm 2023

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ trưởng Bộ: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư,
Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,
Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai,
Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang,
Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 809/TTr-BKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 về báo cáo thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái có ý kiến như sau:

1. Các Bộ, cơ quan: Giao thông vận tải, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khẩn trương hoàn thiện báo cáo theo các nội dung yêu cầu của Đoàn giám sát và yêu cầu tại văn bản số 11133/BKHĐT-TH ngày 29 tháng 12 năm 2023; góp ý trực tiếp vào dự thảo Báo cáo của Chính phủ gửi kèm theo văn bản số 809/TTr-BKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024; gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 16 tháng 02 năm 2024.

2. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng khẩn trương hoàn thiện báo cáo về tình hình thực hiện các dự án quan trọng quốc gia theo yêu cầu của Đoàn giám sát tại Nghị quyết số 94/2023/QH15 như đề xuất phân công của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Phụ lục kèm theo văn bản số 809/TTr-BKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các nội dung Báo cáo của các Bộ, cơ quan, địa phương, hoàn thiện Báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị

quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023, trình Chính phủ trước ngày 20 tháng 02 năm 2024.

4. Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các Bộ, cơ quan, địa phương biết, thực hiện./.

(Gửi kèm theo văn bản số 809/TTr-BKHĐT)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân,
Các Vụ: TH, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3)



Mai Thị Thu Vân

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về báo cáo thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại văn bản số 8695/VPCP-KTTH ngày 06/11/2023 về việc xây dựng Báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023 theo đề nghị của Đoàn giám sát tại Nghị quyết số 94/2023/QH15 của Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng dự thảo Báo cáo Đoàn giám sát và kính báo cáo Chính phủ như sau:

1. Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo

a) Tại văn bản số 8695/VPCP-KTTH ngày 06/11/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan dự thảo Báo cáo của Chính phủ theo Đề cương Báo cáo gửi kèm theo văn bản số 547/ĐGS-TCNS ngày 10/10/2023, báo cáo Chính phủ.

b) Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 11133/BKHĐT-TH ngày 29/12/2023 gửi các bộ, cơ quan, địa phương liên quan, theo đó đã phân công các bộ, cơ quan, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo cụ thể về các nội dung theo đề cương yêu cầu của Đoàn giám sát. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã có văn bản số 536/BKHĐT-TH ngày 19/01/2024 gửi các bộ, cơ quan, địa phương đôn đốc về tiến độ báo cáo để kịp thời hạn yêu cầu của Phó Thủ tướng Chính phủ.

c) Đến ngày 31/01/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được báo cáo của 16 bộ, cơ quan trung ương¹ và 50 địa phương². Một số bộ có nhiều nội dung quan

¹ Các bộ: Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban dân tộc, Thanh tra Chính phủ, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.

² An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Định, Bình Phước, Cần Thơ, Cao Bằng, Cà Mau Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Phòng,

trọng theo đề cương của Đoàn giám sát như Bộ Giao thông vận tải (về tình hình thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng trọng điểm), Bộ Tài chính (về tình hình thực hiện, giải ngân các chính sách tài khóa)... chưa có báo cáo.

d) Trên cơ sở các nội dung Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 581/BC-CP ngày 20/10/2023 về tình hình thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và một số kiến nghị, nội dung báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng dự thảo Báo cáo của Chính phủ gửi Đoàn giám sát kèm theo.

2. Kết cấu, nội dung của dự thảo Báo cáo

a) Kết cấu dự thảo Báo cáo đã bám sát theo đề cương kèm theo văn bản số 547/ĐGS-TCNS của Đoàn giám sát.

b) Nội dung dự thảo Báo cáo đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dựa trên nội dung đã báo cáo Quốc hội tại Báo cáo số 581/BC-CP, cập nhật, bổ sung thêm các thông tin, số liệu về tình hình thực hiện các chính sách tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 đến hết ngày 31/12/2023 trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương. Tuy nhiên, do các bộ có nhiều nội dung liên quan tại đề cương như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính... chưa có báo cáo, do đó nội dung dự thảo Báo cáo hiện tại chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu của Đoàn giám sát.

3. Kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Để nội dung tại dự thảo Báo cáo đầy đủ, bảo đảm chất lượng, đúng theo yêu cầu của Đoàn giám sát, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ:

a) Giao Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương gửi báo cáo trước ngày 16/02/2024 cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo các nội dung yêu cầu của Đoàn giám sát và yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 11133/BKHĐT-TH ngày 29/12/2023.

b) Giao các thành viên Chính phủ nghiên cứu, có ý kiến với các nội dung tại dự thảo Báo cáo kèm theo Tờ trình này. Trên cơ sở đó, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Báo cáo, trình Chính phủ xem xét, quyết định gửi Đoàn giám sát theo yêu cầu.

c) Đối với nội dung báo cáo cụ thể về từng dự án quan trọng quốc gia do Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan³ là cơ quan chủ quản thực hiện (như Phụ lục kèm theo), cho phép gửi báo cáo của các bộ, địa phương nêu trên kèm theo báo cáo của Chính phủ cho Đoàn giám sát. Bộ Giao thông vận tải và các

Hậu Giang, Hòa Bình, Hưng Yên, Kiên Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái.

³ Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng.

địa phương liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tính chính xác, đầy đủ của các nội dung, thông tin, số liệu báo cáo theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Trên đây là nội dung Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự thảo Báo cáo thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

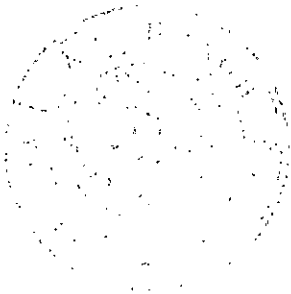
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: TC, GTVT, NN&PTNT, XD, LĐT&XH, GD&ĐT, YT, TTTT, KH&CN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban Dân tộc;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Lưu: VT, TH. 78



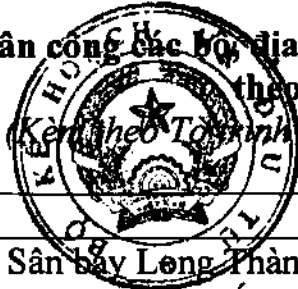
Nguyễn Chí Dũng

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



PHỤ LỤC

Phân công các Bộ, địa phương liên quan báo cáo tình hình thực hiện các dự án quan trọng quốc gia theo yêu cầu của Đoàn giám sát tại Nghị quyết số 94/2023/QH15 (Kế hoạch Tổng hành số 809/TTr-BKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



STT	Dự án	Bộ, địa phương báo cáo
1	- Dự án Sân bay Long Thành; - Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2017-2020; - Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam giai đoạn 2021-2025; - Dự án thành phần 2 thuộc Dự án cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; - Dự án thành phần 2 thuộc Dự án cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1.	Bộ Giao thông vận tải
2	Dự án Đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
3	Dự án Đường Vành đai 3 thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh
4	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
5	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
6	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
7	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
8	Dự án thành phần 1 thuộc Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
9	Dự án thành phần 2 thuộc Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
10	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang
11	Dự án thành phần 4 thuộc Dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-CP

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về thực hiện Nghị quyết 43 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023

Kính gửi: Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 94/2023/QH15 của Quốc hội

Thực hiện Nghị quyết số 94/2023/QH15 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết 43 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023” (sau đây gọi tắt là Đoàn giám sát), căn cứ yêu cầu tại văn bản số 547/ĐGS-TCNS ngày 10/10/2023 của Đoàn giám sát, Chính phủ báo cáo các nội dung theo yêu cầu như sau:

Phần thứ nhất

KHÁI QUÁT CHUNG

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 (sau đây gọi là Nghị quyết 43) và các nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng quốc gia

a) Bối cảnh thế giới, khu vực

Hoà bình, hợp tác, hội nhập phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng gặp nhiều thách thức. Hậu quả của đại dịch COVID-19 kéo dài, tác động đến mọi mặt đời sống, kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia. Cạnh tranh chiến lược của các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện, gia tăng mức độ đối đầu, xu hướng tập hợp lực lượng, phân tuyến, phân cực ngày càng rõ nét. Một số điểm nóng, đặc biệt là xung đột Nga - U-crai-na kéo dài, một số xung đột phát sinh tại dải Gaza, Biển Đỏ..., làm đứt gãy, gián đoạn các chuỗi cung ứng, đồng thời làm sâu sắc, phức tạp thêm xu hướng cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế cũng như các vấn đề an ninh năng lượng, an ninh lương thực. Tình hình các nền kinh tế lớn biến động nhanh trong

bối cảnh lạm phát toàn cầu tăng cao¹; chính sách tiền tệ đảo chiều, từ nới lỏng sang thắt chặt, tăng lãi suất tại nhiều quốc gia tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng. Nhiều nền kinh tế lớn, trong đó có các đối tác thương mại quan trọng của nước ta tăng trưởng chậm lại, thậm chí rơi vào suy thoái; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản gia tăng². Tổng cầu yếu, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp; hàng rào bảo hộ, thương mại gia tăng. Xu hướng dịch chuyển sản xuất, dòng vốn đầu tư toàn cầu quay ngược trở lại các nước phát triển, gây áp lực, làm giảm đáng kể dòng vốn FDI toàn cầu, ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của các nền kinh tế lớn, trong đó có các đối tác đầu tư của Việt Nam. Các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra với tần suất cao hơn, gia tăng rủi ro, nguy cơ mất an ninh năng lượng, lương thực, nguồn nước,... gây hậu quả nghiêm trọng tại nhiều quốc gia, khu vực; tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh chính trị, kinh tế, xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Khoa học, công nghệ phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đến năng lực cạnh tranh mỗi quốc gia; tăng trưởng xanh, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn tiếp tục là mô hình được ngày càng nhiều quốc gia lựa chọn; xây dựng nền kinh tế tự chủ là ưu tiên chiến lược của nhiều quốc gia; quan điểm xanh hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu dần trở thành xu hướng lớn, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, sản xuất, đầu tư, tiêu dùng... toàn cầu và là cơ hội cho những nước đi sau. Việc lựa chọn đầu tư, sắp xếp lại chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất toàn cầu tạo cơ hội cho Việt Nam có điều kiện tham gia sâu hơn vào cấu trúc đầu tư, trật tự thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là chuyển đổi số, thu hút hợp tác về cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường xuất khẩu...

b) Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, dưới tác động của tình hình thế giới và hậu quả nặng nề của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ... KTXH nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn chưa từng có tiền lệ, tác động nhanh, toàn diện tới hầu hết các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng; vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức

¹ Tháng 8/2022 so với cùng kỳ, lạm phát tại Mỹ là 8,3%, gần sát mức cao nhất trong hơn 40 năm; tại châu Âu chạm mức cao kỷ lục là 9,1%, trong đó ở Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh cao nhất trong gần 50 năm qua, Tây Ban Nha cao nhất từ giữa những năm 80 ở mức 10,4%; tại Thái Lan là 7,86%, cao nhất trong 14 năm; tại Singapore là 7,5% cao nhất trong vòng 14 năm qua... Theo nhận định của Ngân hàng Thế giới (WB) lạm phát (CPI) toàn cầu từ mức bình quân 2,1%/năm giai đoạn 2016 - 2019 đã tăng lên 3,5% năm 2021 và 8,3% năm 2022, dự báo khoảng 5,5% năm 2023, 3,7% năm 2024 và 3% năm 2025.

² Một số ngân hàng Mỹ, Thụy Sĩ đổ vỡ; tập đoàn bất động sản Evergrande (Trung Quốc) phá sản, tập đoàn Country Garden (Trung Quốc) nguy cơ vỡ nợ...

tập mới phát sinh, vừa phải xử lý các yếu kém, tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước để lại. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch, phản động tiếp tục lợi dụng tình hình này để đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chúng ta, nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Từ cuối năm 2021 và đầu năm 2022, chúng ta đã kịp thời chuyển hướng chống dịch bằng biện pháp hành chính sang chống dịch bằng biện pháp khoa học (vắc-xin, thuốc), chuyển từ “phòng ngự sang tấn công”, thực hiện chiến lược vắc-xin (thành lập Quỹ vắc-xin, ngoại giao vắc-xin, chiến dịch tiêm chủng vắc-xin miễn phí cho toàn dân), ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 về thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 để từng bước mở cửa trở lại nền kinh tế, khôi phục các hoạt động kinh tế, xã hội. Từ tháng 3/2022 đến nay, bắt đầu từ việc chính thức mở cửa hoàn toàn ngành du lịch từ ngày 15/3/2022³, triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, đồng thời ứng phó, thích ứng với những khó khăn, thách thức mới từ bối cảnh kinh tế, chính trị toàn cầu. Theo đó, kinh tế nước ta có bước phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022, tuy nhiên chậm lại trong năm 2023 theo đà suy giảm chung của thế giới.

Nước ta đã tích lũy nhiều kinh nghiệm về: năng lực và khả năng kiểm soát, phòng chống dịch COVID-19, giúp đất nước trở lại trạng thái bình thường và nền kinh tế mau chóng hồi phục; khả năng điều hành, quản trị xã hội và thích nghi, ứng phó với những biến động của tình hình thế giới, khu vực được nâng cao. Nền kinh tế đang tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế, xã hội chuyển từ trạng thái thích ứng, phục hồi sang phát triển nhanh và ổn định hơn, tập trung thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, hướng đến hoàn thành các mục tiêu phát triển của Kế hoạch 5 năm. Dù trong hoàn cảnh nào, nước ta đã duy trì được sự ổn định chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô, kiểm soát được lạm phát⁴, thúc đẩy tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo⁵; môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, đối ngoại được đẩy mạnh, tiếp tục thúc đẩy cơ cấu lại kinh tế, đầu tư, thương mại, dịch vụ, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững... Các yếu tố này đóng vai trò nền tảng quan trọng để thúc đẩy phục hồi và phát triển KTXH.

³ Theo Thông báo số 43/TB-VPCP ngày 16/2/2022 của Văn phòng Chính phủ

⁴ Dưới mức Trung ương, Quốc hội giao là 4%

⁵ “thu đủ chi, xuất đủ nhập, làm đủ ăn”, thu NSNN vượt dự toán, xuất siêu liên tiếp, an ninh lương thực được bảo đảm, Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, năm 2022 xuất khẩu nông, thủy sản đạt trên 55 tỷ USD

Từ năm 2022 đến nay, nền kinh tế phải chịu “*tác động kép*” từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm; lạm phát thế giới tăng mạnh, duy trì ở mức cao; FED và nhiều ngân hàng trung ương tăng lãi suất nhanh, mạnh để kiềm chế lạm phát; trong nước, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên ngày càng nhiều, yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao, chúng ta phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, tích tụ nhiều năm nay bộc lộ rõ hơn trong khó khăn, nhất là các hạn chế, bất cập của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản, chứng khoán, thanh khoản thị trường tiền tệ bị ảnh hưởng do ngân hàng SCB phải đưa vào diện kiểm soát đặc biệt...

Bên cạnh đó, Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu còn hạn chế. Ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 làm gia tăng chi tiêu Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị ngưng trệ, trong đó có doanh nghiệp nhà nước khiến nền kinh tế phải đối mặt với những khó khăn lớn. Đồng thời, bộc lộ rõ hơn những điểm yếu về hệ thống và lưới an sinh, sức khỏe cộng đồng, kỹ năng phòng, chống, bảo vệ chính mình của người dân trước những biến động lớn... Ngoài ra, biến động về giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao; rủi ro về chuỗi cung ứng, nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp, suy yếu; tác động khó lường, khó dự báo từ việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta.

Nhìn chung, bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước trong các năm 2022-2023 diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế, xã hội là rất thách thức, chưa từng có tiền lệ, với tính chất nhanh, mạnh, tác động lớn và khá toàn diện, mang tính cộng hưởng, đúng như đánh giá, nhận định của Đảng và Chính phủ; có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; khó khăn, thách thức mới xuất hiện, gay gắt, nặng nề hơn so với dự báo, cũng như so với cùng kỳ của một số nhiệm kỳ gần đây.

Trong bối cảnh đó, với ý chí, quyết tâm cao và tinh thần “tiền hô hậu ủng”, “nhất hô bá ứng”, “trên dưới đồng lòng”, “dọc ngang thông suốt”, nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời, khoa học của Trung ương mà thường xuyên, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa

phương; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế; triển khai tổ chức thực hiện một cách quyết liệt hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và những Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; đất nước ta vẫn vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, đáng mừng trên nhiều lĩnh vực và được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

2. Công tác lãnh đạo, ban hành chính sách, pháp luật

Nghị quyết 43 được ban hành tại Kỳ họp bất thường của Quốc hội với nhiều chính sách mạnh mẽ, quyết liệt, chưa từng có tiền lệ nhằm hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, giúp phục hồi và phát triển nền kinh tế sau đại dịch.

Trên cơ sở các chính sách được Quốc hội quyết nghị, ngày 30 tháng 01 năm 2022 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội nhằm triển khai, cụ thể hóa các quyết sách tại Nghị quyết 43 và ban hành các giải pháp thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm triển khai Chương trình một cách tổng thể, đồng bộ. Nghị quyết số 11/NQ-CP quy định 05 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, phương án huy động và bố trí nguồn lực thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể. Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình, thời hạn cụ thể, theo đó giao các bộ theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 17 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn⁶ để sớm triển khai thực hiện ngay từ Quý I năm 2022, nhất là những chính sách hỗ trợ dòng tiền, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

Nhìn chung, Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao, thực hiện và hoàn thành khối lượng lớn công việc, cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiến độ đề ra, đã ban hành đầy đủ 17/17 văn bản theo thẩm quyền để cụ thể hóa các chính sách theo yêu cầu tại Nghị quyết. Đây là nỗ lực rất lớn khi nhiều chính sách có nội dung mới, chưa từng có tiền lệ và chưa từng được triển khai trước đây nhưng đã được nghiên cứu, xây dựng theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được đánh giá tác động trước khi ban hành. Các chính sách mang tính nhân văn, hướng đến việc hỗ trợ

⁶ Bao gồm 06 Nghị định của Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 06 văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền của các bộ.

phục hồi nền kinh tế và chia sẻ khó khăn của người dân và doanh nghiệp, đã phát huy hiệu quả, được người dân, doanh nghiệp, cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

3. Thuận lợi, khó khăn; kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách quy định tại Nghị quyết số 43

a1) Thuận lợi

- Việc triển khai thực hiện Chương trình là quyết sách đúng đắn, kịp thời, nhận được sự ủng hộ, đồng lòng, phối hợp triển khai chặt chẽ của toàn bộ hệ thống chính trị, sự đồng thuận, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, thành phần kinh tế.

- Chương trình được ban hành vào thời điểm thuận lợi ngay sau khi đại dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, nền kinh tế bắt đầu mở cửa trở lại theo chủ trương “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*” của Chính phủ.

- Tình hình thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn triển khai Chương trình được bảo đảm, có vượt thu so với dự toán, tạo dư địa và nguồn lực để thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi.

- Việc thực hiện Chương trình nhận được sự quan tâm, giám sát của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan thanh, kiểm tra ngay từ khi bắt đầu triển khai, qua đó hạn chế việc thực hiện không đúng đối tượng quy định, các hành vi trục lợi chính sách.

a2) Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

- Việc xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết triển khai chính sách thuộc Chương trình đã được triển khai tích cực, tuy nhiên một số văn bản còn chậm so với yêu cầu đề ra.

- Công tác dự báo, tính toán nhu cầu hỗ trợ của một số chính sách trong quá trình xây dựng Chương trình chưa lường hết được khó khăn, vướng mắc, thách thức trong tổ chức triển khai thực hiện; trong khi tình hình thế giới, trong nước từ đầu năm 2022 đến nay thay đổi nhanh, rất phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới, không thể dự báo, yêu cầu thích ứng linh hoạt, có các định hướng, giải pháp ưu tiên khác nhau trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Việc thực hiện và giải ngân một số chính sách đã được ban hành còn thấp, chưa được như kỳ vọng và so với quy mô nguồn lực được giao.

- Việc triển khai các chính sách hỗ trợ ở một số nơi, một số chỗ, một số thời điểm còn chưa linh hoạt, chủ động, quyết liệt.

- Việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn của Chương trình cho các nhiệm vụ, dự án còn chậm, tạo áp lực giải ngân lớn, nhất là trong kế hoạch năm 2023.

a3) Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

- Chương trình được xây dựng rất gấp, khó khăn do phải thực hiện các quy định phòng, chống dịch COVID-19 (cách ly, hạn chế họp đông người...) và ban hành trong thời gian ngắn nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, phục hồi và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực biến động nhanh, phức tạp, khó lường, thay đổi nhanh và toàn diện, nhiều diễn biến mới, không thể dự báo... đã tác động mạnh đến bối cảnh, tình hình triển khai, nhu cầu của các đối tượng hỗ trợ của Chương trình.

- Công tác phòng, chống dịch COVID-19 được triển khai tốt, tạo điều kiện sớm mở cửa nền kinh tế, một số đối tượng dự kiến được hỗ trợ tại thời điểm xây dựng Chương trình nhưng khi triển khai thực tế không còn nhu cầu.

- Một số doanh nghiệp, người dân thuộc đối tượng được hỗ trợ nhưng không đăng ký thụ hưởng chính sách do tâm lý e ngại công tác thanh, kiểm tra.

- Một số chính sách hỗ trợ lần đầu được xây dựng và triển khai chưa có tiền lệ, cần thời gian để xây dựng, đánh giá cụ thể tác động chính sách trước khi ban hành. Đồng thời, việc phổ biến quán triệt nội dung, cách thức triển khai đến các cấp, các ngành cũng cần thời gian để thực hiện.

- Chương trình có quy mô lớn, triển khai trên phạm vi toàn quốc, bao hàm nhiều chính sách với đối tượng thụ hưởng đa dạng, tuy nhiên cơ sở dữ liệu để quản lý chưa hoàn thiện. Do đó yêu cầu việc triển khai cần thận trọng để tránh tiêu cực, lãng phí, trục lợi chính sách.

- Các khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới từ cuối năm 2022 gây ảnh hưởng đến các động lực tăng trưởng, hoạt động sản xuất kinh doanh và quá trình phục hồi của nền kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư công đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng.

- Một số dự án quan trọng quốc gia thuộc ngành giao thông có quy mô lớn, dự án đường cao tốc, dự án có tính chất liên vùng, mới được triển khai thi công,

cần thời gian để hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định dẫn đến kết quả giải ngân kế hoạch vốn từ Chương trình còn hạn chế.

- Điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ, thanh khoản của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Thị trường tài chính, tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến thanh khoản nền kinh tế: (i) Thị trường chứng khoán, trái phiếu suy giảm mạnh, làn sóng nhà đầu tư rút tiền khỏi các sản phẩm tài chính, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp do khủng hoảng niềm tin dẫn đến sự đứt gãy về thanh khoản của hệ thống tài chính và tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như gây nguy cơ bất ổn xã hội; (ii) Hệ thống ngân hàng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn: Nợ xấu tại một số tổ chức tín dụng có xu hướng tăng, chất lượng vay tại một số ngân hàng có dấu hiệu suy giảm; (iii) Thị trường bất động sản chuyển nhanh trạng thái từ nóng sang lạnh, thậm chí đóng băng cục bộ, thanh khoản suy giảm.

Nguyên nhân chủ quan

- Việc triển khai Chương trình ở một số nơi, một số thời điểm còn chưa được quan tâm đúng mức, quán triệt đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình. Công tác thông tin, tuyên truyền để người dân hiểu đúng về chính sách ở một số nơi chưa được đẩy mạnh.

- Tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ dẫn đến kém hiệu quả trong giải quyết công việc.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật và công tác tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn hạn chế, bất cập, hiệu quả chưa cao; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả thực thi chính sách.

- Trình tự, thủ tục thực hiện, giải ngân một số chính sách còn phức tạp, trải qua nhiều bước, chính quyền địa phương một số nơi còn phát sinh thêm thủ tục dẫn đến tâm lý chán nản, không còn nhu cầu của đối tượng thụ hưởng.

- Còn có tình trạng một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa sát sao, quyết liệt trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình, dẫn đến kéo dài thời gian, chậm tiến độ.

b) Thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư một số dự án quan trọng quốc gia.

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung nội dung này)

Phần thứ hai**VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43 VỀ
CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ
CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN KTXH****I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP
LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43****1. Kết quả đạt được**

Nhìn chung, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai các chính sách tại Nghị quyết 43 đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan chủ động, tích cực triển khai nhằm bảo đảm sớm thực hiện và giải ngân nguồn lực được Quốc hội cho phép sử dụng, nhanh chóng cụ thể hóa, đưa chính sách đi vào cuộc sống.

Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao, thực hiện và hoàn thành khối lượng lớn công việc, cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiến độ đề ra, đã ban hành đầy đủ 17/17 văn bản theo thẩm quyền để cụ thể hóa các chính sách theo yêu cầu tại Nghị quyết, bao gồm:

- Chính phủ đã ban hành 06 Nghị định bao gồm:

(i) Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022);

(ii) Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 24/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

(iii) Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (NHNNVN đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-NHNNVN ngày 20/5/2022 hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP);

(iv) Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 về gia hạn thời gian nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;

(v) Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022;

(vi) Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Quyết định, bao gồm:

(i) Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động;

(ii) Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến;

(iii) Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 2/4/2022 về điều kiện, trình tự, thủ tục, mức lãi suất cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập;

(iv) Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 về chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 và kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022, trong đó quy định mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH 38,4 nghìn tỷ đồng để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi quy định tại Nghị quyết 43;

(v) Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội.

- Các bộ đã ban hành 06 văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền, bao gồm:

(i) Văn bản số 5520/BKHĐT-QLĐT ngày 08/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy trình, thủ tục chỉ định thầu đối với gói thầu về hạ tầng giao thông và y tế thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội.

(ii) Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN ngày 30/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

(iii) Thông tư số 09/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai trang bị máy tính bảng theo Chương trình “Sóng và máy tính cho em” từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

(iv) Văn bản số 1411/BTNMT-DCKS ngày 18/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cơ chế đặc thù về khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc- Nam.

(v) Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

(vi) Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Việc xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thực hiện đã được thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực tế.

2. Tồn tại, hạn chế và những vướng mắc, bất cập

- Việc xây dựng, ban hành một số các văn bản hướng dẫn chi tiết triển khai chính sách thuộc Chương trình còn chậm so với yêu cầu đề ra, gây ảnh hưởng đến kết quả triển khai chung.

- Việc đánh giá tác động, bảo đảm tính khả thi trong ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết còn phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu hỗ trợ của người dân, doanh nghiệp có sự thay đổi giữa thời điểm ban hành Nghị quyết 43 và khi triển khai chính sách trên thực tế.

- Các cơ quan tham mưu xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết phải đánh giá kỹ lưỡng, cân bằng giữa thiết kế chính sách thông thoáng, khả thi, dễ triển khai với việc quy định cụ thể các đối tượng, quy trình thụ hưởng nhằm bảo đảm tính chặt chẽ, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách, do đó mất thời gian trong việc nghiên cứu. Trong khi đó, Chương trình có thời gian triển khai tương đối ngắn, yêu cầu hỗ trợ của các đối tượng thụ hưởng khá gấp và luôn có sự thay đổi theo tình hình thực tế.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 43

A. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và công tác tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 43

1. Kết quả đạt được

a) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

1.1 Về thực hiện chỉ tiêu phục hồi, phát triển và tăng trưởng

Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết 43 đã đạt được các kết quả về phục hồi, phát triển và tăng trưởng nền kinh tế chủ yếu như sau:

a) Năm 2022: Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02%, là mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2022⁷; các khu vực kinh tế đều đạt mức tăng trưởng khá: nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,36%, công nghiệp và xây dựng đạt 7,78%, dịch vụ đạt 9,99%. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 19,8% so với năm 2021 và tăng 15% so với năm 2019 (trước khi xảy ra dịch COVID-19). Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt tăng 11,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 46,3%; doanh thu du lịch lữ hành tăng 231,5%. Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,18%, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,1% so với năm 2021. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 3.219,8 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2%.

b) Năm 2023: Tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,05%, mặc dù thấp hơn mục tiêu đề ra, nhưng là mức khá cao so với các quốc gia trên thế giới và trong khu vực, phục hồi tích cực hơn qua từng quý và đồng đều, tăng trên cả 3 khu vực của nền kinh tế. Đây là một cố gắng, quyết tâm lớn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp, các ngành trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức chưa có tiền lệ như thời gian vừa qua. Bên cạnh đó, tình hình KTXH năm 2023 cũng đã đạt được một số kết quả tích cực như kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Cân đối ngân sách nhà nước được đảm bảo, nhất là trong bối cảnh thực hiện nhiều nhiệm vụ mới, cấp thiết như chi cho phòng, chống dịch COVID-19, triển khai các chính sách miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn các loại thuế, phí, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, phục hồi sản xuất kinh doanh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư phát triển, đồng thời tích lũy đủ nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW. Xử lý kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh, cơ bản bảo đảm nguồn cung, an ninh năng lượng (điện, xăng dầu), an ninh lương thực...

c) Giữ vững được ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn:

- Chỉ tiêu nợ công đến cuối năm 2022 khoảng 37,4% GDP, dưới ngưỡng cảnh báo tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội (55%),

- Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị năm 2022 là 2,79%, năm 2023 ước là 2,73% , đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

⁷ Tốc độ tăng GDP các năm 2011-2022 lần lượt là: 6,41%; 5,50%; 5,55%; 6,42%; 6,99%; 6,69%; 6,94%; 7,47%; 7,36%; 2,87%; 2,56%; 8,02%.

- Lạm phát được kiểm chế, trung bình cả năm 2022 CPI tăng 3,15% so với năm 2021, năm 2023 CPI ước tăng 3,25%, vượt mục tiêu Quốc hội đề ra.

- Thu ngân sách nhà nước cả năm 2022 bằng 128,6% dự toán, năm 2023 ước bằng 108,12% dự toán, là kết quả tích cực trong bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước nhiều khó khăn, thực hiện nhiều chính sách miễn, giảm thuế, phí để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, tạo dư địa trong điều hành tài khóa để hỗ trợ tăng trưởng, ổn định và nâng cao đời sống người dân.

- Thị trường tiền tệ cơ bản ổn định, lãi suất, tỷ giá được điều hành phù hợp, tín dụng được tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.

- Kim ngạch xuất khẩu năm đạt 371,7 tỷ USD, tăng khoảng 10,6%, nhập khẩu đạt 359,6 tỷ USD; cán cân thương mại xuất siêu 12,1 tỷ USD, năm 2023 ước tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 683 tỷ USD, xuất siêu ước đạt 28 tỷ, góp phần bảo đảm cán cân thanh toán, hỗ trợ cân đối cung cầu ngoại tệ.

- Cân đối điện, xăng dầu, lương thực được bảo đảm.

1.3 Về tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân

- Đã miễn thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế môi trường đối với nhiên liệu bay, thuế suất thuế giá trị gia tăng và một số khoản thuế, phí, lệ phí khác trong phạm vi của Chương trình trong năm 2022 là **60.745 tỷ đồng**, góp phần tiết giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp, kích cầu tiêu dùng trong nước, góp phần giảm chi phí đầu vào, kiểm chế lạm phát, đặc biệt trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh tăng cao.

- Đã gia hạn thời gian nộp các loại thuế, tiền thuê đất trong năm 2022 là **114.523 tỷ đồng**, thông qua đó hỗ trợ chi phí cơ hội cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh là **7,4 nghìn tỷ đồng**, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh linh hoạt, chủ động sử dụng dòng tiền phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế, tiền thuê đất với Nhà nước.

- Bên cạnh đó, trước tình hình giá xăng dầu trong nước và thế giới tăng cao đột biến, để kiểm soát giá cả, giảm bớt khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các Nghị quyết về giảm mức thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn. Kết quả thực hiện các chính sách này trong năm 2022 ước khoảng **38.057 tỷ đồng**.

- Qua đánh giá tính khả thi, kết quả thực hiện, hiệu quả và sự cần thiết của chính sách, Chính phủ đã trình Quốc hội tại các kỳ họp thứ 5 và kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XV cho phép tiếp tục áp dụng chính sách giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng tương tự như quy định tại Nghị quyết 43 trong thời gian từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023⁸ và từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024⁹.

- Trong năm 2023, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: (i) Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 về việc gia hạn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 (dự kiến tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước trong thời gian gia hạn khoảng 110 nghìn tỷ đồng); (ii) Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước trong thời gian gia hạn khoảng 10,4 - 11,2 nghìn tỷ đồng); (iii) Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước (dự kiến tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước 8 - 9 nghìn tỷ đồng); (iv) Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội; (v) Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 (dự kiến tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước năm 2023 khoảng 3.500 tỷ đồng). Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 quy định giảm mức thu từ 10 - 50% đối với 36 khoản phí, lệ phí (áp dụng từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023) nhằm cắt giảm chi phí hỗ trợ người dân và doanh nghiệp (dự kiến tác động làm giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 700 tỷ đồng). Đến hết tháng 8/2023, tổng số tiền đã miễn, giảm khoảng 42,3 nghìn tỷ đồng¹⁰; gia hạn

⁸ Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội.

⁹ Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội.

¹⁰ Trong đó: (i) Giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 khoảng 2,96 nghìn tỷ đồng; (ii) giảm thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 khoảng 6,23 nghìn tỷ đồng; (iii) giảm thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 khoảng 22,71 nghìn tỷ đồng; (iv) giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ khoảng 3,46 nghìn tỷ đồng; (v) giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định số 41/2023/NĐ-CP khoảng 1,38 nghìn tỷ đồng, (vi) giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP khoảng 5,33 nghìn tỷ đồng, (vii) giảm phí và lệ phí theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC khoảng 233 tỷ đồng.

khoảng 82,5 nghìn tỷ đồng¹¹. Dự kiến đến hết năm 2023 sẽ miễn, giảm 79 nghìn tỷ đồng; gia hạn 121 nghìn tỷ đồng.

- Việc khẩn trương xây dựng, ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thực hiện kịp thời các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã giúp giảm các nghĩa vụ tài chính, giảm chi phí sản xuất, góp phần quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn, duy trì, ổn định, khôi phục và mở rộng sản xuất, ổn định đời sống và trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng phục hồi và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong năm 2022 và nửa cuối năm 2023 và giảm thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng xăng, dầu, mỡ nhờn đã có “tác dụng kép”, vừa giúp giảm giá thành hàng hóa, dịch vụ, từ đó làm tăng sức mua, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, phục hồi và phát triển KTXH; đồng thời vừa góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội trong điều kiện lạm phát, giá cả và chi phí nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao.

(Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu liên quan)

- Về giảm lãi suất cho vay:

Năm 2022:

Trong bối cảnh trong nước và quốc tế khó khăn, thách thức với nhiều diễn biến mới phức tạp và khó lường, chính sách tiền tệ phải thực hiện nhiều nhiệm vụ mà những nhiệm vụ này trong nhiều thời điểm có thể triệt tiêu và mâu thuẫn nhau, khó có thể đạt được cùng lúc. Trong điều kiện đó, Chính phủ, NHNNVN đã kiên định với mục tiêu xuyên suốt là giữ ổn định kinh tế vĩ mô, tiền tệ và theo dõi sát diễn biến, tình hình để linh hoạt quyết định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để ứng phó kịp thời. Đối với điều hành lãi suất, NHNNVN đã cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng trong tổng thể các mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ để góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng. Cụ thể:

- Trong gần 9 tháng đầu năm 2022, trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng nhanh¹² và áp lực lạm phát trong nước gia tăng mạnh, NHNNVN không điều chỉnh tăng lãi suất như các ngân hàng Trung ương khác, thay vào đó giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân

¹¹ Trong đó: (i) gia hạn tiền thuế, tiền thuê đất theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 khoảng 80 nghìn tỷ đồng; (ii) gia hạn tiền thuế tiêu thụ đặc biệt theo Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 khoảng 2,5 nghìn tỷ đồng;

¹² 8 tháng đầu năm 2022 có khoảng 256 lượt tăng lãi suất của các ngân hàng Trung ương.

hàng Nhà nước với chi phí thấp, qua đó hỗ trợ quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế.

- Từ cuối tháng 9/2022, diễn biến thị trường tiền tệ, ngân hàng chuyển biến rất nhanh; đồng thời, lạm phát toàn cầu neo cao, Fed liên tục điều chỉnh tăng nhanh, mạnh lãi suất điều hành. Trong nước, mặc dù lạm phát năm 2022 bình quân tăng 3,15%, tuy thấp hơn so với mục tiêu nhưng vẫn cao hơn so với mức 1,84% năm 2021. Đặc biệt là trong nửa cuối năm 2022 lạm phát có xu hướng tăng nhanh từng tháng và đến cuối năm lạm phát cơ bản (LPCB) so với cùng kỳ đã ở gần sát mức 5%, LPCB bình quân là 2,59% và cao hơn rất nhiều so với mức LPCB bình quân năm 2021 là 0,81%. Áp lực mất giá của đồng Việt Nam rất lớn trong năm 2022 khi các nước thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng mạnh lãi suất và đồng đôla tăng giá rất mạnh; vào thời điểm tháng 9, tháng 10 năm 2022, đồng Việt Nam đã chịu áp lực mất giá lên đến 9-10%. Đồng thời, sự kiện rút tiền hàng loạt tại SCB đã là các yếu tố tổng hợp làm gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép lên lạm phát. Trong bối cảnh đầy thách thức với sức ép lớn đó, NHNNVN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành với mức tăng 0,8-2%/năm trong tháng 9 và 10/2022 nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng¹³. Việc tăng lãi suất là phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô trong nước cũng như bối cảnh quốc tế khi nền kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Mức tăng 2 lần (mỗi lần 1%/năm) đưa lãi suất về tương đương giai đoạn trước dịch là phù hợp với xu hướng toàn cầu; trong khi đó, ngân hàng Trung ương lớn như Fed đã tăng lãi suất 7 lần trong năm 2022 với tổng mức tăng là 4,25%/năm. Như vậy, lãi suất tăng là hợp lý để kiểm soát lạm phát và ổn định nguồn vốn cho hệ thống ngân hàng, hỗ trợ ổn định tỷ giá.

Năm 2023:

Trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo cao, diễn biến lạm phát quốc tế khó lường; tăng trưởng kinh tế còn nhiều khó khăn; thanh khoản của các tổ chức tín dụng được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu thanh toán của nền kinh tế; để tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, từ tháng 3/2023, NHNNVN đã điều chỉnh giảm liên tục **04 lần** các mức lãi suất với

¹³ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 6%/năm; Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5%/năm lên 4,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN tăng từ 5%/năm lên 7%/năm. (ii) Lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND tại các tổ chức tín dụng: đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng tăng từ 0,2%/năm lên 1,0%/năm, kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng tăng từ 4%/năm lên 6%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND: tăng từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm.

mức giảm 0,5-2,0%/năm.¹⁴ Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN đối với tổ chức tín dụng; (2) Giảm 0,5-1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Bên cạnh đó, NHNNVN đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác để phấn đấu giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Cụ thể: (1) Chỉ đạo tổ chức tín dụng duy trì mặt bằng lãi suất huy động ổn định, hợp lý, phù hợp với khả năng cân đối vốn, khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh và năng lực quản lý rủi ro, không ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tiền tệ và mặt bằng lãi suất thị trường¹⁵. Chỉ đạo tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ lãi suất tiền gửi để giữ ổn định mặt bằng lãi suất thị trường. Đồng thời, khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.¹⁶ (2) NHNNVN đã có các buổi làm việc với các ngân hàng thương mại và đề nghị các ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế. (3) NHNNVN có các công văn yêu cầu các tổ chức tín dụng triển khai các biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (phấn đấu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm) và phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam kêu gọi các tổ chức hội viên tiếp tục giảm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.¹⁷ (4) Đồng thời, NHNNVN đã làm việc với một số tổ chức tín dụng về các loại phí tổ chức tín dụng đang áp dụng (bao gồm cả các loại phí liên quan đến hoạt động cho vay và các loại phí khác mà khách hàng vay vốn có thể phải trả) và có văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát, miễn, giảm thêm một số loại phí

¹⁴ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng, tiền gửi KKH và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

¹⁵ Công văn số 8798/NHNNVN-TTGSNH ngày 14/12/2022; Công văn số 9046/NHNNVN-TD ngày 22/12/2022.

¹⁶ Chỉ thị 01/CT-NHNNVN ngày 17/1/2023.

¹⁷ Công văn số 4985/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 27/6/2023 về giảm mặt bằng lãi suất và công văn số 6385/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 14/8/2023 về giảm lãi suất cho vay. Công văn số 5152/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 30/6/2023; Công văn số 282/HHNH-PLNV ngày 11/7/2023 kêu gọi tổ chức tín dụng tiếp tục đồng hành, chia sẻ khó khăn với DN, người dân. Công văn số 6936/NHNNVN-TD ngày 5/9/2023 về tăng cường công tác tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng

không cần thiết để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Kết quả chung:

Việc giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do: (1) Chiến sự Nga – Ukraina khiến giá hàng hóa thế giới tăng mạnh vượt dự báo, tạo áp lực lạm phát nhập khẩu; các ngân hàng Trung ương lớn đẩy nhanh thu hẹp nới lỏng chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất năm 2022 và tiếp tục tăng, duy trì ở mức cao các tháng đầu năm 2023. (2) Đồng USD tăng giá mạnh trên thị trường quốc tế trong năm 2022. (3) Các tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 các tổ chức tín dụng huy động vốn với lãi suất ở mức cao và các khoản huy động này chưa đến thời hạn thanh toán. (4) Áp lực lạm phát trong và ngoài nước, đặc biệt là LPCB còn cao và dai dẳng nên chưa thể chủ quan với rủi ro lạm phát. Thị trường vốn chưa phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng (tỷ lệ tín dụng/GDP cuối năm 2022 ở mức khoảng 126%¹⁸); ngân hàng chủ yếu huy động vốn ngắn hạn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhu cầu cho vay trung dài hạn.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự đồng lòng, quyết tâm của toàn ngành ngân hàng, nhiệm vụ giảm lãi suất cho vay cơ bản hoàn thành theo chỉ đạo tại Nghị quyết 43. Theo đó, đến nay, mặt bằng lãi suất đã có xu hướng giảm, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các ngân hàng thương mại giảm khoảng hơn 2,5%/năm so với cuối năm 2022;¹⁹ lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực theo quy định giảm 0,5%/năm so với cuối năm 2021. Với tác động có độ trễ của chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và các biện pháp đồng bộ khác của NHNNVN, dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm.

1.4 Về phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, hỗ trợ người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

- Công tác phòng, chống dịch COVID-19 được thực hiện hiệu quả. Đã kịp thời ban hành và tập trung thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; đẩy mạnh tiêm vắc-xin, điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 bảo đảm kịp thời, khoa học, bám sát quan điểm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Nhờ đó, dịch bệnh được kiểm soát, tạo điều kiện để hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời

¹⁸ Tính theo GDP đánh giá lại của Tổng cục Thống kê.

¹⁹ Đến ngày 20/12/2023, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại ở mức 3,9%/năm và 6,7%/năm.

sống người dân trở lại trạng thái bình thường mới, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phục hồi và phát triển KTXH.

Đến ngày 31/12/2022, cả nước đã huy động được khoảng 230.000 tỷ đồng trực tiếp phục vụ công tác phòng, chống dịch và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bao gồm ngân sách nhà nước là 186.400 tỷ đồng và viện trợ, tài trợ khoảng 43.600 tỷ đồng, trong đó đã huy động trên 11.600 tỷ đồng cho Quỹ vắc-xin phòng COVID-19 để mua, nhập khẩu, hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất vắc-xin phòng COVID-19; mua và tiếp nhận 259,3 triệu liều vắc-xin phòng COVID-19, trong đó viện trợ, tài trợ gần 160 triệu liều, riêng viện trợ của Chính phủ các nước gần 150 triệu liều, trị giá khoảng 24.000 tỷ đồng.

- Đã quyết liệt thực hiện các giải pháp hỗ trợ nhằm bảo đảm an sinh xã hội và đời sống người dân. Ngân sách trung ương đã hỗ trợ cho 59/60 địa phương²⁰ với tổng kinh phí **3.679,3 tỷ đồng** để hỗ trợ tiền thuê nhà cho **gần 5,2 triệu lượt người lao động**. NHCSXH đã giải ngân các chính sách tín dụng ưu đãi đến hết năm 2023 cho hơn **615,6 nghìn** lượt khách hàng vay vốn, **đạt 38.400 tỷ đồng**, bằng 100% quy mô nguồn lực được Quốc hội cho phép. NHCSXH cũng đã hỗ trợ lãi suất cho vay cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác đối với khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm là **2.995 tỷ đồng/3.000 tỷ đồng**, đạt 99,8% quy mô nguồn lực được Quốc hội cho phép.

b) Đánh giá việc thiết kế, trình thông qua chính sách và tổ chức thực hiện chính sách

Căn cứ Nghị quyết 43, Chính phủ đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội nhằm triển khai, cụ thể hóa các quyết sách tại Nghị quyết 43 và ban hành các giải pháp thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm triển khai Chương trình một cách tổng thể, đồng bộ. Nghị quyết đã xác định nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình, thời hạn cụ thể, theo đó giao các bộ theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 17 văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn²¹ để sớm triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2022, nhất là những chính sách hỗ trợ dòng tiền, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân.

²⁰ Các tỉnh: Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên không có đối tượng hỗ trợ, tỉnh Tuyên Quang không đề xuất hỗ trợ từ ngân sách trung ương.

²¹ Bao gồm 06 Nghị định của Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 06 văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền của các bộ.

Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao, thực hiện và hoàn thành khối lượng lớn công việc, cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiến độ đề ra, đã ban hành đầy đủ 17/17 văn bản theo thẩm quyền để cụ thể hóa các chính sách theo yêu cầu tại Nghị quyết. Đây là nỗ lực rất lớn khi nhiều chính sách có nội dung mới, chưa từng có tiền lệ và chưa từng được triển khai trước đây nhưng đã được nghiên cứu, xây dựng theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được đánh giá tác động trước khi ban hành. Các chính sách mang tính nhân văn, hướng đến việc hỗ trợ phục hồi nền kinh tế và chia sẻ khó khăn của người dân và doanh nghiệp, đã phát huy hiệu quả, được người dân, doanh nghiệp, cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

c) Đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương chú trọng, quyết liệt triển khai với mục tiêu phát huy tối đa hiệu quả chính sách:

- Các cấp, các ngành ở trung ương và địa phương đã tuyên truyền, phổ biến thông tin nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người dân về các chính sách của Chương trình để thực hiện hiệu quả, sớm hỗ trợ nền kinh tế phục hồi nhanh và phát triển bền vững. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có nhiều Nghị quyết, Công điện²² đôn đốc, yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là một trong các tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Trưởng ban, thành viên là đại diện các bộ, cơ quan trung ương nhằm theo dõi, phát hiện, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình. Đồng thời, tình hình triển khai thực hiện Chương trình cũng được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh việc thực hiện.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt, kịp thời chỉ đạo báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền việc điều chỉnh các nội dung liên

²² Các nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng trong các năm 2022, 2023, Công điện số 126/CĐ-TTg ngày 12/02/2022, Công điện số 252/CĐ-TTg ngày 16/3/2022, Công điện số 290/CĐ-TTg ngày 31/3/2022...

quan thuộc Chương trình nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực được Quốc hội cho phép sử dụng.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế

- Công tác dự báo, tính toán nhu cầu hỗ trợ của một số chính sách trong quá trình xây dựng Chương trình chưa lường hết được khó khăn, vướng mắc, thách thức trong tổ chức triển khai thực hiện; trong khi tình hình thế giới, trong nước từ đầu năm 2022 đến nay thay đổi nhanh, rất phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới, không thể dự báo, yêu cầu thích ứng linh hoạt, có các định hướng, giải pháp ưu tiên khác nhau trong chỉ đạo, điều hành, bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Việc thực hiện và giải ngân một số chính sách đã được ban hành còn thấp, chưa được như kỳ vọng và so với quy mô nguồn lực được giao.

- Việc triển khai các chính sách hỗ trợ ở một số nơi, một số chỗ, một số thời điểm còn chưa linh hoạt, chủ động, quyết liệt.

- Việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn của Chương trình cho các nhiệm vụ, dự án còn chậm, tạo áp lực giải ngân lớn, nhất là trong kế hoạch năm 2023.

Nguyên nhân

- Chương trình được xây dựng rất gấp, khó khăn do phải thực hiện các quy định phòng, chống dịch COVID-19 (cách ly, hạn chế họp đông người...) và ban hành trong thời gian ngắn nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, phục hồi và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực biến động nhanh, phức tạp, khó lường, thay đổi nhanh và toàn diện, nhiều diễn biến mới, không thể dự báo... đã tác động mạnh đến bối cảnh, tình hình triển khai, nhu cầu của các đối tượng hỗ trợ của Chương trình.

- Công tác phòng, chống dịch COVID-19 được triển khai tốt, tạo điều kiện sớm mở cửa nền kinh tế, một số đối tượng dự kiến được hỗ trợ tại thời điểm xây dựng Chương trình nhưng khi triển khai thực tế không còn nhu cầu.

- Một số doanh nghiệp, người dân thuộc đối tượng được hỗ trợ nhưng không đăng ký thụ hưởng chính sách do tâm lý e ngại công tác thanh, kiểm tra.

- Chương trình có quy mô lớn, triển khai trên phạm vi toàn quốc, bao hàm nhiều chính sách với đối tượng thụ hưởng đa dạng, tuy nhiên cơ sở dữ liệu để quản lý chưa hoàn thiện. Do đó yêu cầu việc triển khai cần thận trọng để tránh tiêu cực, lãng phí, trực lợi chính sách.

- Các khó khăn do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới từ cuối năm 2022 gây ảnh hưởng đến các động lực tăng trưởng, hoạt động sản xuất kinh doanh và quá trình phục hồi của nền kinh tế. Giải ngân vốn đầu tư công đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng.

- Một số dự án quan trọng quốc gia thuộc ngành giao thông có quy mô lớn, dự án đường cao tốc, dự án có tính chất liên vùng, mới được triển khai thi công, cần thời gian để hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định dẫn đến kết quả giải ngân kế hoạch vốn từ Chương trình còn hạn chế.

- Điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ bị gặp nhiều khó khăn, thanh khoản của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Thị trường tài chính, tiền tệ tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến thanh khoản nền kinh tế: (i) Thị trường chứng khoán, trái phiếu suy giảm mạnh, làn sóng nhà đầu tư rút tiền khỏi các sản phẩm tài chính, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp do khủng hoảng niềm tin dẫn đến sự đứt gãy về thanh khoản của hệ thống tài chính và tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như gây nguy cơ bất ổn xã hội; (ii) Hệ thống ngân hàng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn: Nợ xấu tại một số tổ chức tín dụng có xu hướng tăng, chất lượng vay tại một số ngân hàng có dấu hiệu suy giảm; (iii) Thị trường bất động sản chuyển nhanh trạng thái từ nóng sang lạnh, thậm chí đóng băng cục bộ, thanh khoản suy giảm.

- Việc triển khai Chương trình ở một số nơi, một số thời điểm còn chưa được quan tâm đúng mức, quán triệt đầy đủ về tầm quan trọng của Chương trình. Công tác thông tin, tuyên truyền để người dân hiểu đúng về chính sách ở một số nơi chưa được đầy mạnh.

- Tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ dẫn đến kém hiệu quả trong giải quyết công việc.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật và công tác tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn hạn chế, bất cập, hiệu quả chưa cao; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả thực thi chính sách.

- Trình tự, thủ tục thực hiện, giải ngân một số chính sách còn phức tạp, trải qua nhiều bước, chính quyền địa phương một số nơi còn phát sinh thêm thủ tục dẫn đến tâm lý chán nản, không còn nhu cầu của đối tượng thụ hưởng.

B. Kết quả thực hiện các chính sách cụ thể

1. Việc thực hiện các chính sách tài khóa

1.1 Chính sách miễn, giảm thuế

a) Kết quả đạt được

- Chính sách giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%) theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP đạt **44.458 tỷ đồng**²³ (giảm thuế giá trị gia tăng sản xuất kinh doanh trong nước là khoảng 25.200 tỷ đồng, giảm thuế giá trị gia tăng trong xuất, nhập khẩu khoảng 19.258 tỷ đồng), bằng 90% dự kiến khi xây dựng Chương trình (49.400 tỷ đồng).

- Đối với việc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022, hiện nay **chưa có kết quả thực hiện** chính thức do chưa đến thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có kỳ tính thuế không theo năm dương lịch. Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Tài chính tiếp tục theo dõi, báo cáo số liệu này.

(Đề nghị Bộ Tài chính cập nhật thông tin, số liệu về nội dung này)

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế:

Đối với chính sách giảm thuế giá trị gia tăng: Trong thời gian đầu triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc, chủ yếu về (i) Cách xác định hàng hóa, dịch vụ giảm thuế; (ii) Thời điểm lập hóa đơn và (iii) Lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa dịch vụ được giảm thuế. Để tháo gỡ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022²⁴, đồng thời Bộ Tài chính cũng đã có các văn bản hướng dẫn triển khai²⁵.

Nguyên nhân:

- Thời gian xây dựng và ban hành chính sách gấp để đáp ứng yêu cầu thực tế, nhiều nội dung chưa có tiền lệ nên chưa bao quát hết các tình huống phát sinh.

²³ Giảm thu ngân sách nhà nước năm 2022 là 41.498 tỷ đồng, giảm thu ngân sách nhà nước tháng 1/2023 là 2.960 tỷ đồng.

²⁴ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43 của Quốc hội.

²⁵ Văn bản số 2688/BTC-TCT ngày 23/3/2022 hướng dẫn các nội dung (1) về các nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT; (2) về thời điểm lập hóa đơn; văn bản số 2252/TCT-CS ngày 27/6/2022 về việc giảm thuế GTGT đối với “Hóa chất cơ bản” theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP; văn bản số 7375/BTC-TCT ngày 27/7/2022 về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng dây và cáp điện...

- Một số quy định chưa có giải thích đầy đủ, có quy định về mục tiêu nhưng không có quy định về tiêu chí xác định, nên lúng túng trong thực hiện.

1.2 Về an sinh, xã hội, lao động, việc làm

a) Kết quả đạt được

- Chính sách tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho NHCSXH để cho vay hỗ trợ:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 12/4/2022 về việc phê duyệt Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2022-2024 và Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2022 và Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 30/5/2023 về việc phê duyệt mức phát hành trái phiếu trong nước được Chính phủ bảo lãnh, theo đó đã phê duyệt mức bảo lãnh phát hành trái phiếu các năm 2022, 2023 đối với NHCSXH tối đa là 42.251 tỷ đồng (bao gồm 38.400 tỷ đồng để thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình). NHCSXH đã huy động đủ nguồn vốn **38.400 tỷ đồng**.

- Tình hình cấp và sử dụng vốn của NHCSXH để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình:

Đến hết năm 2023, NHCSXH đã giải ngân cho vay các chương trình tín dụng đạt **38.400 tỷ đồng** cho hơn **615,6 nghìn** lượt khách hàng, đạt 100% tổng quy mô chính sách, cụ thể:

+ Giải quyết việc làm: Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 2878/TB-TTKQH ngày 16/10/2023²⁶, Chính phủ đã có Nghị quyết số 181/NQ-CP ngày 02/11/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn dự kiến không giải ngân hết của 04 chính sách cho vay ưu đãi thông qua NHCSXH tối đa 15.500 tỷ đồng để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đảm bảo tổng dư nợ các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và triển khai Nghị quyết 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình đến 31 tháng 12 năm 2023 tối đa là 38.400 tỷ đồng

Nhờ đó, việc thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ việc làm đạt dư nợ **24.876 tỷ đồng** cho hơn 448,4 nghìn khách hàng được vay vốn tạo việc làm, bằng 100%

²⁶ Đối với việc điều chỉnh nguồn lực thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thông qua NHCSXH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ căn cứ vào khoản 6, Điều 6 của Nghị quyết 43 để thực hiện điều chỉnh theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả, kết quả giải ngân.

kế hoạch. Việc triển khai chính sách đã góp phần khôi phục các ngành nghề truyền thống, hỗ trợ vốn cho người lao động và các cơ sở sản xuất kinh doanh mở rộng sản xuất, thu hút tạo việc làm cho nhiều lao động, qua đó góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Tại các xã, huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ hộ nghèo và các đối tượng chính sách giảm dần, cơ chế, chính sách hỗ trợ người nghèo và các đối tượng yếu thế thu hẹp thì chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đóng vai trò quan trọng nhằm giữ chân người lao động tại địa phương để tự phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm tại địa phương mình.

+ Học sinh, sinh viên: Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến đạt **827 tỷ đồng** để mua hơn 90 nghìn máy vi tính và thiết bị phục vụ học tập trực tuyến, bằng 100% kế hoạch sau khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 181/NQ-CP. Việc thực hiện chính sách đã hỗ trợ gần 80 nghìn học sinh, sinh viên có đủ điều kiện tiếp tục học tập trực tuyến khi bị mắc COVID-19, đồng thời hỗ trợ học sinh, sinh viên tiếp tục học tập hiệu quả trong môi trường lớp học đang dần được công nghệ hóa, số hóa; góp phần thực hiện đúng chủ trương công bằng xã hội, quan tâm đến mọi người dân để “không ai bị bỏ lại phía sau” của Đảng và Nhà nước.

+ Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập: Cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đạt **126 tỷ đồng** cho hơn 2,6 nghìn cơ sở giáo dục, bằng 100% kế hoạch sau khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 181/NQ-CP. Việc triển khai chính sách đã hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19, mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động trước sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19.

+ Cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội: Cho vay nhà ở xã hội đạt **10.281 tỷ đồng** để hỗ trợ mua và xây dựng hơn 26,2 nghìn căn nhà ở xã hội, bằng 100% kế hoạch sau khi điều chỉnh theo Nghị quyết số 181/NQ-CP. Việc thực hiện chính sách đã góp phần giúp người thu nhập thấp cùng gia đình có nhà ở, ổn định “an cư, lạc nghiệp”, yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030: Cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP đạt **2.290 tỷ đồng** cho hơn 48,1 nghìn khách hàng, bằng 100% kế hoạch sau khi điều

chính theo Nghị quyết số 181/NQ-CP. Nguồn vốn tín dụng đã giúp giải quyết những vấn đề căn bản, thiết yếu trong cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số và giúp đồng bào dân tộc thiểu số giải quyết những vấn đề cấp thiết về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, hỗ trợ người dân ổn định chỗ ở, phát triển đầu tư, tạo thu nhập ổn định, thúc đẩy đào tạo nghề, giải quyết việc làm và được chính quyền, người dân đồng tình và hưởng ứng tích cực. Đồng thời, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững, ổn định kinh tế hộ gia đình, làm giàu cho địa phương, ngăn chặn tệ nạn cho vay nặng lãi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đây là chính sách thiết thực, đa chiều, cụ thể hóa chính sách dân tộc, chủ trương đại đoàn kết dân tộc, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với vùng khó khăn, đặc biệt vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động: Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động được triển khai thực hiện ngay từ đầu năm 2022 đã kịp thời thu hút, hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động, “giữ chân” người lao động làm việc ổn định tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Năm 2022 đã không xảy ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng lao động, các doanh nghiệp cơ bản tuyển dụng được nhân lực bảo đảm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc thực hiện chính sách đúng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Nghị quyết 43 của Quốc hội, bao phủ được hầu hết người lao động có quan hệ lao động đang ở thuê, ở trọ ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm, qua đó góp phần phục hồi nhanh thị trường lao động, hạn chế xảy ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng lao động.

Ngoài 03 tỉnh không có đối tượng hỗ trợ (Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên), đã có 60 tỉnh, thành phố thực hiện tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hỗ trợ và chi trả cho **5.194.162 lượt lao động** làm việc tại **128.746 lượt người sử dụng lao động**, vượt mức dự kiến so với thời điểm xây dựng chính sách²⁷; ngân sách trung ương đã hỗ trợ cho 59/60 tỉnh, thành phố với tổng kinh phí **3.679,3 tỷ đồng**.

Đối với số tiền **2.920,7 tỷ đồng** còn lại đã được Quốc hội cho phép chuyển nguồn để triển khai thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm đầu tư trang thiết bị các bệnh viện tại Nghị quyết số 110/2023/QH15. Hiện nay, nội dung này đang được Chính phủ tổng hợp, báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo Nghị quyết số 110/2023/QH15.

²⁷ Tại Báo cáo số 01/BC-CP ngày 02/01/2022, Chính phủ dự kiến tổng số đối tượng hỗ trợ khoảng 4 triệu người.

- Chính sách hỗ trợ lãi suất thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng:

Trên cơ sở đề xuất của NHNNVN, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (Nghị định 31). Đồng thời, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 03/2022/TT-NHNNVN ngày 20/5/2022 hướng dẫn các ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định của Chính phủ.

Kể từ khi Nghị định 31 được ban hành, NHNNVN và ngành ngân hàng đã tích cực phối hợp các bộ ngành triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để các đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sớm được tiếp cận chính sách, thông qua:

(1) Tổ chức 07 Hội nghị, cuộc họp chuyên đề hỗ trợ lãi suất toàn quốc để quán triệt, phổ biến, thống nhất triển khai chính sách, có sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan. Gần nhất, ngày 27/10/2023, NHNNVN đã tổ chức Hội nghị triển khai Công điện số 990/CD-TTg ngày 21/10/2023 và đẩy mạnh triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ trong đó, chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiếp tục có giải pháp đẩy mạnh giải ngân hỗ trợ lãi suất với quy trình, thủ tục thông thoáng;

(2) Ban hành 19 văn bản giải đáp đề hướng dẫn, cung cấp thông tin, giải đáp các vấn đề phát sinh và đôn đốc các ngân hàng thương mại triển khai chính sách;

(3) Tổ chức truyền thông một cách rộng rãi bằng nhiều hình thức: Truyền hình, báo chí Trung ương và địa phương, tổ chức kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, Hội nghị phổ biến trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng và các Hiệp hội ngành nghề, Hiệp hội doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố (chi nhánh Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp các sở ngành địa phương tổ chức 63 Hội nghị địa phương chuyên đề hỗ trợ lãi suất để thông tin về chính sách trên địa bàn);

(4) Thành lập đường dây nóng (tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các ngân hàng thương mại và chi nhánh các ngân hàng thương mại) để nắm bắt thực tế phản ánh của người dân, doanh nghiệp;

(5) Thành lập các Đoàn công tác liên bộ ngành (gồm NHNNVN, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng) khảo sát thực tế tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất tại một số địa phương, thông qua đó kịp thời đôn đốc, giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho ngân hàng thương mại và khách hàng trong thực hiện.

NHNNVN thường xuyên có văn bản chỉ đạo, yêu cầu các ngân hàng thương mại tiếp tục khẩn trương, quyết liệt, nỗ lực triển khai chính sách theo đúng quy định tại Nghị định 31, Thông tư 03/2022/TT-NHNNVN và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo hiệu quả tối đa của chính sách. Đến cuối tháng 11/2023, doanh số hỗ trợ lãi suất đạt khoảng 225.230 tỷ đồng, dư nợ hỗ trợ lãi suất đạt gần 65.000 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất lũy kế từ đầu chương trình đạt **gần 1.099 tỷ đồng** cho 2.249 khách hàng.

- Tình hình thực hiện cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch và kết quả hoạt động của Quỹ.

(Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung các thông tin, số liệu về nội dung này)

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

- Đối với chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH:

Tồn tại, hạn chế:

Trong giai đoạn trước khi ban hành Nghị quyết số 181/NQ-CP, dự kiến không giải ngân hết nguồn lực triển khai 04 chương trình cho vay ưu đãi: (i) Cho vay nhà ở chính sách xã hội; (ii) Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến; (iii) Cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; (iv) Cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong khi đó, nhu cầu vay vốn chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là rất lớn (79.040 tỷ đồng²⁸), tuy nhiên đã giải ngân hết kế hoạch trong năm 2022, có khả năng thực hiện tiếp nhưng không còn nguồn.

Nguyên nhân: Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu vay vốn của các địa phương báo cáo khi xây dựng chính sách chưa phù hợp với nhu cầu vay vốn thực tế (ngoại trừ chính sách cho vay hỗ trợ việc làm), cụ thể như sau:

- Cho vay nhà ở xã hội: Nguồn cung nhà ở xã hội tại các địa phương còn hạn chế; nhiều đối tượng có nhu cầu nhưng qua rà soát không đủ điều kiện vay vốn tín dụng chính sách xã hội; chủ đầu tư khi bán cho người mua nhà chưa giải chấp nên không thực hiện được việc đăng ký giao dịch bảo đảm...

- Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến: Trong quá trình triển khai chính sách tín dụng này, cũng có các chương trình hỗ trợ máy tính cho học sinh, sinh viên khác như chương trình Sóng và máy tính cho

²⁸ Trong đó nhu cầu phát sinh thêm trong năm 2023 ngoài nhu cầu đã được tổng hợp trước đây từ các địa phương là khoảng 35.900 tỷ đồng.

em của Bộ Thông tin và Truyền thông; một số tỉnh, thành phố cũng triển khai hỗ trợ máy vi tính cho các đối tượng học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, đối tượng chính sách... Đồng thời, do dịch COVID-19 được kiểm soát tốt, các trường không còn tổ chức học trực tuyến dẫn đến nhu cầu vay vốn mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến không còn nhiều. Hiện nay, Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ dừng chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg.

- Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập: Do dịch COVID-19 được kiểm soát tốt, các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đã hoạt động trở lại ổn định và có nguồn thu để bù đắp các khoản chi phí tu sửa, phục hồi hoạt động, dẫn đến nhu cầu vay vốn không còn cấp bách như lúc dịch đang bùng phát.

- Cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: (i) Một số địa phương tiến độ rà soát, lập, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách còn chậm do: Văn bản quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương mới ban hành, nhiều địa phương chưa có hướng dẫn cụ thể; một số địa phương chưa ban hành định mức đất ở, đất sản xuất, diện tích nhà ở tối thiểu nên thiếu cơ sở xác định đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề; phần lớn các địa phương chưa hình thành dự án đầu tư cụ thể, chưa ban hành quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, dược liệu quý; (ii) Các địa phương phải rà soát, điều chỉnh lại nhu cầu vay vốn do thời điểm dự kiến nhu cầu vốn của chương trình so với thời điểm hiện nay có biến động giảm về số hộ nghèo, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số hàng năm, nhiều xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới nên hộ trước đây thuộc đối tượng thụ hưởng đã thoát nghèo.

Để tháo gỡ khó khăn nêu trên, bảo đảm phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực được Quốc hội cho phép, Chính phủ đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nội dung nêu trên. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 2878/TB-TTKQH ngày 16/10/2023²⁹, Chính phủ đã có Nghị quyết số 181/NQ-CP ngày 02/11/2023 điều chỉnh kế hoạch vốn dự kiến không giải ngân hết của 04 chính sách cho vay ưu đãi thông qua NHCSXH tối đa 15.500 tỷ đồng để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc

²⁹ Đối với việc điều chỉnh nguồn lực thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thông qua NHCSXH, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Chính phủ căn cứ vào khoản 6, Điều 6 của Nghị quyết 43 để thực hiện điều chỉnh theo thẩm quyền, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả, kết quả giải ngân.

làm. Nhờ đó, đã giải ngân hết 100% quy mô kế hoạch vốn được Quốc hội cho phép (38.400 tỷ đồng).

- Đối với chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động:

Tồn tại, hạn chế:

Việc triển khai lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho người lao động chậm do người lao động, người sử dụng lao động muốn gộp 03 tháng tiền thuê nhà vào làm thủ tục 01 lần, hồ sơ đề nghị dồn vào cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 2022, gây sức ép lớn trong việc bố trí lực lượng cán bộ tiếp nhận, thẩm định ở các địa phương; thiếu cơ sở dữ liệu về việc ở thuê, ở trọ của người lao động nên khó khăn trong thẩm định, giải quyết hồ sơ đề nghị.

Nguyên nhân:

- Tình hình thực tế chuyển biến nhanh, nhất là trong công tác phòng, chống dịch COVID-19, dẫn đến có thay đổi trong nhu cầu hỗ trợ của người lao động so với thời điểm xây dựng chính sách.

- Thời gian xây dựng chính sách gấp, các địa phương rà soát đối tượng chưa sát thực tế (thống kê cả lao động không có quan hệ lao động, doanh nghiệp dự kiến số lao động quay trở lại thị trường nhiều). Có khoảng 20,5% lao động chỉ đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ 01-02 tháng tiền nhà (thay vì 03 tháng như dự kiến).

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức, tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa quyết liệt trong triển khai, công tác thông tin, tuyên truyền chưa kịp thời, đầy đủ. Một số nơi còn có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, còn phát sinh thêm thủ tục hành chính vượt quá mức quy định, dẫn đến đối tượng thụ hưởng chính sách không còn nhu cầu. Một số người sử dụng lao động e ngại công tác thanh, kiểm tra, liên đới trách nhiệm nên không chủ động tuyên truyền, hướng dẫn và lập danh sách đề nghị hỗ trợ.

- Thiếu cơ sở dữ liệu về việc thuê nhà của lao động; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đầy đủ, tạo khó khăn, lúng túng trong lập kế hoạch và tổ chức triển khai ở địa phương.

- Đối với chính sách hỗ trợ lãi suất thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng:

Tồn tại, hạn chế:

Chính sách có kết quả triển khai thấp, đến hết tháng 11/2023 số tiền hỗ trợ lãi suất mới đạt gần 1.099 tỷ đồng, tương đương 2,75% tổng quy mô nguồn lực (40.000 tỷ đồng).

Nguyên nhân:

- Khách hàng đủ điều kiện nhưng lựa chọn không thụ hưởng chính sách, chủ yếu do tâm lý e ngại công tác thanh tra, kiểm tra (đặc biệt là doanh nghiệp), cân nhắc giữa lợi ích từ việc được hỗ trợ lãi suất và chi phí phát sinh nếu nhận hỗ trợ lãi suất (phải theo dõi hồ sơ, chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Đồng thời, khách hàng có tâm lý lo ngại trường hợp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định phải thu hồi số tiền hỗ trợ lãi suất do số tiền này đã được hạch toán vào lợi nhuận doanh nghiệp và chia cổ tức cho cổ đông.

- Khó khăn trong việc xác định đối tượng khách hàng thuộc diện “có khả năng phục hồi” theo quy định tại Nghị quyết 43. Khách hàng mặc dù có khả năng trả nợ nhưng cũng không thể khẳng định có khả năng phục hồi (thường thể hiện thông qua các tiêu chí định lượng như doanh thu/sản lượng/lợi nhuận tăng hoặc các tiêu chí định tính như diễn biến, chiều hướng kinh doanh). Trường hợp khách hàng được hỗ trợ lãi suất nhưng tình hình sản xuất kinh doanh suy giảm, ảnh hưởng đến các tiêu chí nêu trên làm cho ngân hàng thương mại và khách hàng e ngại bị các cơ quan thanh tra, kiểm tra đánh giá trực lợi chính sách. Ngoài ra, một số khách hàng có doanh thu/lợi nhuận trong giai đoạn dịch bệnh cao hơn hiện tại nên khó để đánh giá việc đáp ứng tiêu chí “phục hồi”.

- Năm 2022, tình hình KTXH nói chung và hoạt động kinh doanh của các đối tượng ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất nói riêng có nhiều chuyển biến so với thời điểm ban hành Nghị quyết 43 và Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường sau dịch COVID-19 dẫn đến nhu cầu được hỗ trợ có thể thay đổi so với thời điểm ban hành chính sách (thay vì nhu cầu hỗ trợ lãi suất thì có nhu cầu được hỗ trợ trực tiếp hoặc giảm thuế, phí, lệ phí).

- Nhiều hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay vốn tại các ngân hàng thương mại, tuy nhiên không đăng ký hộ kinh doanh nên không thuộc đối tượng hỗ trợ³⁰.

- Một số khách hàng có năng lực tài chính, lịch sử tín dụng tốt, được ngân hàng thương mại cho vay với lãi suất ưu đãi nên lựa chọn không thụ hưởng chính sách do tự đánh giá đã được cho vay với lãi suất phù hợp theo các chương trình ưu đãi của ngân hàng thương mại.

- Một số nguyên nhân khác bao gồm: Khách hàng xuất khẩu lựa chọn vay bằng đô la Mỹ để tận dụng lợi thế về lãi suất và nguồn thu bằng ngoại tệ nên

³⁰ Điển hình như Ngân hàng Agribank có 50% dư nợ khách hàng hộ sản xuất, kinh doanh không có đăng ký kinh doanh.

không thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất, một số khách hàng đã được hỗ trợ theo các chương trình tín dụng của ngân sách địa phương, khó khăn trong bóc tách chi phí vay vốn đối với trường hợp doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, một số khách hàng có dư nợ hiện hữu thuộc ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất nhưng quá hạn nên tạm thời chưa được xem xét hỗ trợ lãi suất theo quy định.

Trên cơ sở đánh giá tính khả thi của chính sách, tại Báo cáo số 581/BC-CP ngày 20/10/2023, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội:

- Cho phép tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh như đã được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết 43. Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo NHNNVN phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chính sách với quyết tâm cao nhất, tiếp tục truyền thông, tuyên truyền đẩy mạnh triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất để tạo điều kiện thụ hưởng chính sách cho các đối tượng quan tâm. Đồng thời, khuyến khích các ngân hàng thương mại dành nguồn lực để hỗ trợ giảm lãi suất cho khách hàng, góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ.

- Đối với số vốn không giải ngân hết của chính sách sau khi kết thúc thời gian giải ngân kế hoạch năm 2022 và năm 2023, trình Quốc hội hủy dự toán, kế hoạch vốn, không huy động nguồn lực, đồng thời không làm tăng bội chi tương ứng với số vốn này .

- Đối với chính sách cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch

(Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung các thông tin, số liệu về nội dung này)

1.3. Chính sách đầu tư phát triển

a) Kết quả đạt được

a1) Về y tế

Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 thông báo danh mục và mức vốn là 13.168 tỷ đồng cho 144 dự án thuộc lĩnh vực y tế của 59 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhu cầu tham gia chương trình, 15 viện, bệnh viện tuyến trung ương thuộc Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trực tiếp tham gia phòng chống dịch để phục hồi sau đại dịch; văn bản số 74/TTg-KTTH ngày 25/2/2023 thông báo danh mục và mức vốn 832 tỷ đồng cho 08 dự án thuộc lĩnh vực y tế đã có danh mục vốn tại văn bản số 681/TTg-KTTH, cụ thể:

(1) Tuyển Trung ương có 20 dự án, tổng vốn 2.671 tỷ đồng, trong đó: (i) Bộ Y tế có 15 dự án, tổng vốn 1.465.000 tỷ đồng, (ii) Bộ Công an có 03 dự án, tổng vốn 600 tỷ đồng, (iii) Bộ Quốc phòng có 02 dự án, tổng vốn 606 tỷ đồng.

(2) Tuyển tỉnh: có 59 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm 129 dự án, tổng vốn là 11.329 tỷ đồng, bao gồm: (i) 2.281,74 tỷ đồng cho 33 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh; (ii) 6.115,92 tỷ đồng cho 294 bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện của 55 tỉnh/TP và (iii) 2.931,34 tỷ đồng cho 1.421 trạm y tế tuyến xã của 46 tỉnh/TP.

Bộ Y tế đã xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, cơ bản phù hợp và đáp ứng yêu cầu Chương trình.

Tính đến thời điểm báo cáo (27/12/2023), Bộ Y tế nhận được 50/58 tỉnh, thành phố (còn 08 tỉnh chưa có báo cáo), Bộ Công an và Bộ Quốc phòng với tổng số giải ngân của các dự án thuộc lĩnh vực y tế là 3.171.942 triệu đồng, đạt 31,50% (tháng 11 đạt 23,77%) so với kế hoạch vốn năm 2023 được giao.

Đối với 15 dự án thuộc Bộ Y tế quản lý đã phân bổ hết cho 15 dự án đủ thủ tục đầu tư với tổng số vốn là 1.465 tỷ đồng, cụ thể: Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Hữu Nghị (130 tỷ đồng); Dự án mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện C Đà Nẵng (120 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Thống Nhất (125 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Chợ Rẫy (80 tỷ đồng); Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện E (130 tỷ); Dự án Viện Trang thiết bị và Công trình y tế (50 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Bạch Mai (200 tỷ đồng); Dự án xây dựng mở rộng một số khoa điều trị Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ (70 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (130 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng Khối điều trị Bệnh viện Việt Nam Cuba Đồng Hới Quảng Bình (50 tỷ đồng); Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa Quảng Nam (30 tỷ đồng); Dự án mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Phổi Trung ương (120 tỷ đồng); Dự án cải tạo sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh (60 tỷ đồng); Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm đánh giá động vật thí nghiệm Viện Kiểm định quốc gia vắc xin và sinh phẩm y tế (110 tỷ đồng) và Dự án nâng cao năng lực phòng chống dịch Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (60 tỷ đồng).

a2) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Chính phủ đã có các Tờ trình:

- Tờ trình số 268/TTr-CP ngày 09/8/2022 và Tờ trình số 489/TTr-CP ngày 17/12/2022 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đối với danh mục và mức vốn bố trí cho các dự án thuộc Chương trình.

- Tờ trình số 92/TTr-CP ngày 31/3/2023 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Tờ trình số 231/TTr-CP, Tờ trình số 06/TTr-CP ngày 16/5/2023 báo cáo Quốc hội.

- Tờ trình số 629/TTr-CP ngày 05/11/2023 về việc giao kế hoạch vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã có các Quyết định giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan, địa phương, bao gồm:

- Quyết định số 1113/QĐ-TTg ngày 21/9/2022 giao **147.138 tỷ đồng** kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình;

- Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 giao **14.710,315 tỷ đồng** kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình;

- Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, trong đó giao số vốn Chương trình là **13.369,468 tỷ đồng** cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện.

- Quyết định số 1738/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 về việc giao kế hoạch vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025; giao dự toán, kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2023 cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đã giao **273 tỷ đồng** kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSTW của Chương trình cho Dự án đầu tư hạ tầng ổn định đời sống nhân dân của xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Như vậy, Thủ tướng Chính phủ đã giao tổng số kế hoạch đầu tư vốn NSTW của Chương trình cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là **175.490,783 tỷ đồng**. Đối với số vốn **509,217 tỷ đồng** còn lại, không tiếp tục phân bổ theo quy định của Quốc hội tại Nghị quyết số 93/2023/QH15.

Trong kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã được giao nêu trên, có **116.200 tỷ đồng** đã được giao kế hoạch cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng (không bao gồm các dự án thuộc lĩnh vực y tế), trong đó bao gồm khoảng **82.096 tỷ đồng** bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết nghị³¹.

Kết quả thực hiện:

- Việc xây dựng danh mục và mức vốn bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình đã được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng bố trí vốn quy định tại Nghị quyết 43.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã quyết tâm, nỗ lực hoàn thiện thủ tục đầu tư cần thiết các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình trong thời gian ngắn, bao gồm cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án quy mô lớn, yêu cầu phức tạp, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, địa phương, nỗ lực triển khai để giải ngân kế hoạch vốn của Chương trình (như Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, Dự án đường bộ cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1, Dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1...).

Nhờ đó, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ được nguồn lực lớn ngoài nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt đã bổ sung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện các dự án giao thông trọng điểm, liên vùng, quan trọng quốc gia, sớm hoàn thiện hệ thống mạng lưới đường bộ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tình hình giải ngân kế hoạch vốn của Chương trình như sau:

+ Đối với kế hoạch năm 2022 : Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Nghị quyết số 584/NQUBTVQH15 ngày 31/8/2022 bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn NSTW năm 2022 là 38.155,353 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình, trong đó bổ sung cho các dự án đầu tư thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn là 19.570,446 tỷ đồng, bổ sung cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình là 18.584,907 tỷ đồng. Ước số liệu giải ngân vốn của Chương trình năm 2022 đến hết ngày 31/01/2023 khoảng **16.890 tỷ đồng**, đạt 85,6% kế hoạch vốn được giao.

- Đối với kế hoạch năm 2023: Đến ngày 30/11/2023, tổng vốn đầu tư của Chương trình đã giải ngân được là 58.902 tỷ đồng, bằng 45,5% so với kế hoạch

³¹ Dự án Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 72.476 tỷ đồng, Dự án Đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1) 2.320 tỷ đồng, Dự án Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1) 3.500 tỷ đồng, Dự án Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1) 3.800 tỷ đồng.

Thủ tướng Chính phủ giao; ước đến 31/12/2023, số giải ngân là **72.686 tỷ đồng**, bằng 56,1% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Như vậy, ước đến 31/12/2023, tổng số vốn kế hoạch của Chương trình đã giải ngân là **89.576 tỷ đồng**, đạt khoảng gần 67% tổng số kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình (**133,9 nghìn tỷ đồng**³²).

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

Tồn tại, hạn chế

- Việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, phân bổ, giao kế hoạch vốn cho một số nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình còn chưa đạt kỳ vọng, trong khi thời gian thực hiện và giải ngân vốn của Chương trình chỉ trong vòng 02 năm 2022-2023. Giải ngân kế hoạch vốn của Chương trình còn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra, một số dự án đến tháng 7 năm 2023 mới hoàn thiện thủ tục đầu tư để được giao vốn của Chương trình.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện, các khó khăn, vướng mắc, Chính phủ đã báo cáo và Quốc hội đã cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của Chương trình đến hết năm 2024 (Nghị quyết số 110/2023/QH15).

- Một số dự án không hoàn thiện thủ tục đầu tư đúng theo thời hạn Quốc hội yêu cầu, dẫn đến không được tiếp tục phân bổ nguồn vốn của Chương trình³³.

- Một số bộ, cơ quan, địa phương chưa quyết liệt trong việc hoàn thiện chủ trương đầu tư dự án để chủ động giải ngân sớm nguồn vốn của Chương trình.

Nguyên nhân

- Chương trình xây dựng trong thời gian rất gấp để đáp ứng yêu cầu đặt ra, gặp nhiều khó khăn do phải thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 (cách ly, hạn chế họp đông người...), trong khi có quy mô nguồn lực khá lớn, nhiều chính sách, giải pháp chưa từng có tiền lệ, lần đầu tiên được nghiên cứu, triển khai, vừa nhằm đẩy vốn nhanh ra nền kinh tế để hỗ trợ tăng trưởng trong ngắn hạn (*bao gồm cả nhiệm vụ, dự án đã có trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn, có thể bổ trí thêm vốn và dự án chưa có trong trung hạn, có thể triển khai*

³² Không bao gồm 2.000 tỷ đồng bố trí để cấp bù lãi suất cho NHCSXH do không có nhu cầu sử dụng, 38.900 tỷ đồng bố trí cho NHNNVN để hỗ trợ 2% lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thông qua hệ thống ngân hàng thương mại không sử dụng hết Chính phủ đã báo cáo Quốc hội cắt giảm (Báo cáo số 581/BC-CP ngày 20/10/2023) và 1.221,028 tỷ đồng kế hoạch vốn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (950 tỷ đồng) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (271,028 tỷ đồng) Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã cho phép cắt giảm, không tiếp tục thực hiện (Thông báo số 2878/TB-TTKQH ngày 16/10/2023).

³³ Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đắk Lắk.

được kịp thời), vừa gắn với yêu cầu triển khai hiệu quả đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng.

- Việc tổng hợp, tham mưu xây dựng danh mục một số nhiệm vụ, dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn của Chương trình trong thời gian ngắn, chưa đánh giá, dự báo được đầy đủ các khó khăn, vướng mắc trong thực tế triển khai so với thời điểm tổng hợp, xây dựng Chương trình.

Từ đó, dẫn đến có thay đổi trong danh mục Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi phân bổ vốn so với danh mục Chính phủ đã báo cáo Quốc hội khi xây dựng Chương trình.

- Việc phân bổ vốn cho các dự án thuộc Chương trình cần thời gian để hoàn thiện các thủ tục trước khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội có ý kiến để giao kế hoạch vốn, nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, trong khi đó, thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn của Chương trình là tương đối ngắn.

2. Việc thực hiện các chính sách tiền tệ

- Tình hình và kết quả thực hiện các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội

Trên cơ sở theo dõi sát, dự báo diễn biến lạm phát, giá cả hàng hóa trong và ngoài nước, bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, NHNNVN điều hành linh hoạt, chủ động, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, **phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối, điều tiết thanh khoản phù hợp với diễn biến thị trường và mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của NHNNVN.** Cụ thể:

a) NHNNVN điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, đặc biệt là nghiệp vụ thị trường mở, để đảm bảo thanh khoản hệ thống các tổ chức tín dụng, sẵn sàng nguồn vốn hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế, góp phần kiểm soát lạm phát. Đặc biệt, khi sự cố Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) gây áp lực lớn đến thị trường tiền tệ, ngoại hối trong nước trong Quý IV/2022, NHNNVN đã điều hành linh hoạt các kênh cung ứng tiền để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, đảm bảo an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong năm 2023, NHNNVN tiếp tục duy trì chào mua giấy tờ có giá hàng ngày để phát tín hiệu sẵn sàng hỗ trợ vốn cho các tổ chức tín dụng, ổn định thị trường tiền tệ; lãi suất chào mua

giấy tờ có giá giảm đồng bộ với các mức lãi suất điều hành khác của NHNNVN;³⁴ thực hiện chào bán tín phiếu NHNNVN tại một số thời điểm để hỗ trợ điều hành tỷ giá. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết 43 và các văn bản tổ chức triển khai, công cụ dự trữ bắt buộc và tái cấp vốn được điều hành đồng bộ với các công cụ chính sách tiền tệ khác trên cơ sở diễn biến tiền tệ, tình hình nguồn vốn của hệ thống các tổ chức tín dụng, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, trong đó: (i) Tiếp tục điều hành công cụ dự trữ bắt buộc theo hướng ổn định các mức tỷ lệ dự trữ bắt buộc, phù hợp với diễn biến thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ; (ii) Tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP³⁵ của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg³⁶ của Thủ tướng Chính phủ.

Với việc điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, thanh khoản hệ thống các tổ chức tín dụng được đảm bảo, thị trường tiền tệ duy trì ổn định, hoạt động thông suốt, lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp, từ đó tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận được nguồn vốn chi phí thấp, có điều kiện giảm lãi suất cho vay hỗ trợ nền kinh tế. Đến ngày 29/12/2023, lãi suất bình quân liên ngân hàng: Kỳ hạn O/N ở mức 0,51%/năm, 1 tuần 3,23%/năm, 2 tuần 3,27%/năm, 1 tháng 3,42%/năm.

b) Về điều hành tín dụng

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, NHNNVN đã xây dựng chỉ tiêu định hướng tín dụng cả năm 2022 khoảng 14% và có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Theo đó, NHNNVN đã thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng tổ chức tín dụng và điều chỉnh chỉ tiêu cho các tổ chức tín dụng có đề nghị trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động, năng lực tài chính, quản trị điều hành và khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh của từng tổ chức tín dụng. Nhằm cung ứng thêm vốn tín dụng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, NHNNVN đã điều chỉnh tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thêm 1,5-2% và có văn bản thông báo điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối

³⁴ Từ mức 6,0%/năm xuống mức 4,0%/năm trong 4 lần điều chỉnh.

³⁵ Tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021) của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, NHNNVN được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ quan liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn theo trình tự, thủ tục rút gọn và cho NHCSXH vay tái cấp vốn tối đa 7.500 tỷ đồng với lãi suất 0%/năm, thời hạn tái cấp vốn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo để cho người sử dụng lao động quy định tại điểm 11 Mục II Nghị quyết này vay trả lương cho người lao động. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn đến hết ngày 31/3/2022 hoặc khi giải ngân hết số tiền tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

³⁶ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

với các tổ chức tín dụng có đề nghị. Đến cuối năm 2022, dư nợ tín dụng tăng 14,18% so với cuối năm 2021.

Năm 2023, trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% và lạm phát khoảng 4,5% được Quốc hội, Chính phủ đặt ra, NHNNVN định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023 khoảng 14-15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Theo đó, ngay đầu năm, NHNNVN đã phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng tổ chức tín dụng; và trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm ở mức thấp hơn dự kiến, các nguồn vốn trong nền kinh tế đang còn nhiều khó khăn, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, ngày 10/7/2023, NHNNVN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các tổ chức tín dụng với mức giao toàn hệ thống khoảng 14% nhằm cung ứng thêm vốn tín dụng, sẵn sàng đáp ứng kịp thời nhu cầu của nền kinh tế.

Mặc dù đã triển khai quyết liệt nhiều giải pháp, nhưng do tổng cầu của nền kinh tế suy giảm, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu nên tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống thấp hơn so với chỉ tiêu định hướng đầu năm và thấp hơn mức NHNNVN đã phân bổ cho các tổ chức tín dụng. Để linh hoạt điều hành, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng phục vụ nhu cầu vốn cho quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNNVN đã chủ động, linh hoạt điều hòa chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng trong toàn hệ thống từ tổ chức tín dụng không sử dụng hết chỉ tiêu sang các tổ chức tín dụng cần được tiếp tục mở rộng tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế và đảm bảo an toàn hệ thống tổ chức tín dụng. Theo đó, kể từ ngày 29/11/2023, ngân hàng có dư nợ tín dụng năm 2023 đạt từ 80% mức dư nợ tín dụng NHNNVN đã thông báo thì được tự chủ động điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo nguyên tắc NHNNVN đã thông báo mà không cần có văn bản đề nghị.

Bên cạnh các giải pháp điều hành tín dụng, NHNNVN cũng đã thực hiện nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vay vốn tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng. Cụ thể như:

+ Rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật trong hoạt động cấp tín dụng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức tín dụng, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp và phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng. Trong đó: (i) Chủ trì xây dựng dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) theo hướng: Bỏ quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi cấp tín dụng; Đơn giản hóa thủ tục các khoản cho vay tiêu

dùng, cho vay nhỏ lẻ phục vụ đời sống; Sửa đổi, bổ sung quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh ngân hàng bao gồm hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử; (ii) Ban hành Thông tư 03/2023/TT-NHNNVN, 06/2023/TT-NHNNVN, 10/2023/TT-NHNNVN để tháo gỡ tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng tiếp cận vốn vay, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

+ Ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (Thông tư 02/2023/TT-NHNNVN ngày 23/4/2023) nhằm tạo điều kiện cho khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu, được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế³⁷.

+ Tổ chức nhiều chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố và một số vùng trên cả nước (Đông Nam Bộ, Tây Nguyên), các thành phố trọng điểm (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên,...), các Hội nghị tín dụng chuyên đề (lĩnh vực bất động sản, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, nông sản xuất khẩu chủ lực,...) nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng³⁸.

+ Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai một số chương trình tín dụng kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng chính đáng của người dân, doanh nghiệp³⁹. Trong đó, một số chương trình tiêu biểu như: (i) Gói tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản với lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn của chính ngân hàng cho vay⁴⁰; (ii) Gói tín dụng 120.000 tỷ đồng từ nguồn vốn của các ngân hàng thương mại với lãi suất cho vay thấp hơn từ 1,5%-2% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng trên thị trường theo đúng chỉ đạo của Chính phủ đối với chủ đầu tư, người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ⁴¹; (iii) Gói tài chính

³⁷ Lũy kế đến thời điểm 30/11/2023, đã có 175.581 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN, với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu là 171.083 tỷ đồng.

³⁸ Tính đến cuối Quý III/2023, đã có khoảng 460 buổi gặp gỡ, đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp được tổ chức trên toàn quốc. Thông qua chương trình, các tổ chức tín dụng đã hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho trên 185 nghìn doanh nghiệp và một số khách hàng khác, với dư nợ hơn 1,7 triệu tỷ đồng.

³⁹ Đến cuối tháng 11/2023, dư nợ cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tăng 2,93% so với cuối năm 2022 và chiếm 21,06% (cùng kỳ năm 2022: tăng 20,12% và chiếm tỷ trọng 21,37%).

⁴⁰ Đến cuối tháng 11/2023, sau gần 5 tháng triển khai, các ngân hàng thương mại đã thực hiện cho vay theo Chương trình với doanh số giải ngân đạt gần 11.000 tỷ đồng cho gần 4.200 lượt khách hàng vay vốn, chiếm trên 73% tổng số tiền cam kết cho vay theo chương trình.

⁴¹ Đến nay, các ngân hàng thương mại đã cam kết cấp tín dụng cho 12 dự án với số tiền cam kết là khoảng 5.000 tỷ đồng, đã giải ngân cho 06 dự án với số tiền là 428 tỷ đồng.

tiêu dùng lên tới 20.000 tỷ đồng của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) HD Saison và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng SMBC cho công nhân vay với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay của hai công ty;⁴² đồng thời, phối hợp với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam để triển khai chương trình nhằm hạn chế tín dụng đen tại các khu công nghiệp; **(iv)** Tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế triển khai các chương trình cho vay với lãi suất thấp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa...

+ Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay; rà soát các loại phí, lệ phí tổ chức tín dụng đang áp dụng (bao gồm cả các loại phí liên quan đến hoạt động cho vay và các loại phí khác mà khách hàng vay vốn có thể phải trả) để cắt, giảm các loại phí, lệ phí không cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.

Với hệ thống các chỉ đạo và giải pháp đồng bộ của NHNNVN, đến 31/12/2023, tín dụng toàn nền kinh tế đạt gần 13,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,71% so với cuối năm 2022. Cơ cấu tín dụng tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh⁴³, lĩnh vực ưu tiên⁴⁴, các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ; hỗ trợ tích cực quá trình phục hồi và phát triển KTXH. Tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát⁴⁵.

c. Về điều hành tỷ giá: Từ năm 2022 đến nay, thị trường quốc tế có những diễn biến phức tạp, khó lường gây áp lực lên tỷ giá và thị trường ngoại tệ như: **(i)** xung đột Nga – Ucraina và xung đột quân sự tại Trung Đông ảnh hưởng đến giá dầu, hàng hóa quốc tế; **(ii)** lạm phát thế giới tăng cao, dai dẳng; **(iii)** lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ và tăng lãi suất của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) từ năm 2022; **(iv)** biến động mạnh, khó lường của đồng USD quốc tế, tạo áp lực lên các đồng tiền khác; **(v)** gia tăng căng thẳng và các biện pháp trừng phạt thương mại quốc tế (Mỹ - Trung)...

Trước những diễn biến phức tạp, khó lường và áp lực từ thị trường quốc tế nói trên, NHNNVN tiếp tục: **(i)** Điều hành tỷ giá diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều

⁴² Đến hết tháng 11/2023, HDSaison và FECredit đã giải ngân cho công nhân khoảng 9.386 tỷ đồng. Song song với đó, HDSaison đã phối hợp với TLĐLĐ triển khai các chương trình phúc lợi cho công nhân, người lao động như: tặng 500 vé máy bay Vietjet cho công nhân dịp Tết, tặng hơn 1.000 phần quà cho công nhân...

⁴³ Đến cuối tháng 11/2023, tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản tăng 5,08%; tín dụng ngành công nghiệp xây dựng tăng 8,18%; tín dụng ngành thương mại dịch vụ tăng 10,04%.

⁴⁴ Đến cuối tháng 11/2023, tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tăng 8,31%; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 9,33%; xuất khẩu tăng 7,53%; công nghiệp hỗ trợ tăng 20,84%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 11,11%.

⁴⁵ Đến cuối Quý III/2023, tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông tăng 0,16% so với cuối năm 2022, chiếm 0,72% tổng dư nợ cấp tín dụng đối với nền kinh tế. Đến tháng 11/2023, tín dụng đối với lĩnh vực chứng khoán tăng 100,88%, chiếm tỷ trọng 0,65%; tín dụng lĩnh vực bất động sản tăng 8,48% so với cuối năm 2022, chiếm 21,51% tổng dư nợ nền kinh tế.

kiện thị trường, góp phần hấp thu cú sốc bên ngoài, hạn chế tâm lý, kỳ vọng thị trường và hành vi găm giữ ngoại tệ; (ii) Linh hoạt các phương thức mua/bán can thiệp thị trường, phối hợp đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ (như lãi suất, thanh khoản VND...) để hạn chế biến động mạnh của thị trường và tỷ giá, bình ổn tâm lý thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, để chủ động thích ứng trước diễn biến khó lường và các áp lực lớn của thị trường, ngày 17/10/2022, NHNNVN điều chỉnh mở rộng biên độ tỷ giá giao ngay từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$, qua đó tạo dư địa cho tỷ giá có đủ mức độ linh hoạt để diễn biến phù hợp với các biến động trên thị trường trong nước và quốc tế.

Với sự hỗ trợ của nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước và việc triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá nêu trên, VND mặc dù mất giá so với USD theo xu hướng chung của các đồng tiền khác trên thế giới nhưng vẫn tương đối ổn định so với nhiều đồng tiền khác. Nhìn chung, từ năm 2020 đến nay, mặc dù đối mặt với thách thức lớn chưa từng có nhưng thị trường ngoại tệ vẫn duy trì ổn định; tỷ giá giao dịch trên thị trường diễn biến linh hoạt phù hợp với các điều kiện kinh tế vĩ mô và cân đối cung - cầu thị trường, góp phần hấp thu cú sốc bên ngoài; thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế đều được đáp ứng đầy đủ, qua đó góp phần rất quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Năm 2022, VND mất giá khoảng 3,5% so với USD; năm 2023, VND mất giá khoảng 2,89% so với USD, phù hợp với xu hướng chung các đồng tiền khác trong khu vực⁴⁶.

- Tình hình và kết quả thực hiện mục tiêu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên

Năm 2022:

Trong bối cảnh trong nước và quốc tế khó khăn, thách thức với nhiều diễn biến mới phức tạp và khó lường, chính sách tiền tệ phải thực hiện nhiều nhiệm vụ mà những nhiệm vụ này trong nhiều thời điểm có thể triệt tiêu và mâu thuẫn nhau, khó có thể đạt được cùng lúc. Trong điều kiện đó, NHNNVN đã kiên định trong điều hành với mục tiêu xuyên suốt là giữ đại cục ổn định kinh tế vĩ mô, tiền tệ và theo dõi sát diễn biến, tình hình để linh hoạt quyết định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời kỳ, từng giai đoạn để ứng phó kịp thời. Đối với điều hành lãi suất, NHNNVN đã cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng trong tổng thể các mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ để góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng. Cụ thể:

⁴⁶ Ringgit Malaysia -4,32%; Hàn Quốc -1,65%; Trung Quốc -2,88%; Nhật Bản -7,89%.

- Trong gần 9 tháng đầu năm 2022, trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng nhanh (8 tháng đầu năm 2022 có khoảng 256 lượt tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương) và áp lực lạm phát trong nước gia tăng mạnh, mặc dù vậy NHNNVN vẫn kiên định và trì hoãn việc điều chỉnh tăng lãi suất như các ngân hàng trung ương khác, thay vào đó NHNNVN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNNVN với chi phí thấp, qua đó hỗ trợ quá trình phục hồi tăng trưởng kinh tế. NHNNVN là một trong những ngân hàng trung ương cuối cùng điều chỉnh tăng lãi suất trong năm 2022.

- Từ cuối tháng 9/2022, diễn biến thị trường tiền tệ, ngân hàng chuyển biến rất nhanh; đồng thời, lạm phát toàn cầu neo cao, Fed liên tục điều chỉnh tăng nhanh, mạnh lãi suất điều hành. Trong nước, mặc dù lạm phát năm 2022 bình quân tăng 3,15%, tuy thấp hơn so với mục tiêu nhưng vẫn cao hơn so với mức 1,84% năm 2021. Đặc biệt là trong nửa cuối năm 2022 lạm phát có xu hướng tăng nhanh từng tháng và đến cuối năm lạm phát cơ bản (LPCB) so với cùng kỳ đã ở gần sát mức 5%, LPCB bình quân là 2,59% và cao hơn rất nhiều so với mức LPCB bình quân năm 2021 là 0,81%. Áp lực mất giá của đồng Việt Nam rất lớn trong năm 2022 khi các nước thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng mạnh lãi suất và đồng đôla tăng giá rất mạnh; vào thời điểm tháng 9, tháng 10 năm 2022, đồng Việt Nam đã chịu áp lực mất giá lên đến 9-10%. Đồng thời, sự kiện rút tiền hàng loạt tại SCB đã là các yếu tố tổng hợp làm gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép lên lạm phát. Trong bối cảnh đầy thách thức với sức ép lớn đó, NHNNVN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành với mức tăng 0,8-2%/năm trong tháng 9 và 10/2022 nhằm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi kinh tế, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng⁴⁷. Việc tăng lãi suất của NHNNVN là phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô trong nước cũng như bối cảnh quốc tế khi nền kinh tế của Việt Nam có độ mở lớn, hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế. Mức tăng 2 lần (mỗi lần 1%/năm) đưa lãi suất về tương đương giai đoạn trước dịch là phù hợp với xu hướng toàn cầu; trong khi đó, ngân hàng trung ương lớn như Fed đã tăng lãi suất 7 lần trong năm 2022 với tổng mức tăng là 4,25%/năm. Như vậy, lãi suất tăng là hợp lý để kiểm soát lạm phát và ổn định nguồn vốn cho hệ thống ngân hàng, hỗ trợ ổn định tỷ giá.

Năm 2023:

⁴⁷ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 6%/năm; Lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5%/năm lên 4,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN tăng từ 5%/năm lên 7%/năm. (ii) Lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND tại các tổ chức tín dụng: đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng tăng từ 0,2%/năm lên 1,0%/năm, kỳ hạn 1 tháng đến dưới 6 tháng tăng từ 4%/năm lên 6%/năm. (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND: tăng từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm.

Trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo cao, diễn biến lạm phát quốc tế khó lường; tăng trưởng kinh tế còn nhiều khó khăn; thanh khoản của các tổ chức tín dụng được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu thanh toán của nền kinh tế; để tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, từ tháng 3/2023, NHNNVN đã điều chỉnh giảm liên tục **04 lần** các mức lãi suất với mức giảm 0,5-2,0%/năm.⁴⁸ Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN đối với tổ chức tín dụng; (2) Giảm 0,5-1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế.

Bên cạnh đó, NHNNVN đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác để phấn đấu giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân. Cụ thể: (1) Chỉ đạo tổ chức tín dụng duy trì mặt bằng lãi suất huy động ổn định, hợp lý, phù hợp với khả năng cân đối vốn, khả năng mở rộng tín dụng lành mạnh và năng lực quản lý rủi ro, không ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường tiền tệ và mặt bằng lãi suất thị trường.⁴⁹ Chỉ đạo tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ lãi suất tiền gửi để giữ ổn định mặt bằng lãi suất thị trường. Đồng thời, khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.⁵⁰ (2) NHNNVN đã có các buổi làm việc với các ngân hàng thương mại và đề nghị các ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế. (3) NHNNVN có các công văn yêu cầu các tổ chức tín dụng triển khai các biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (phấn đấu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm) và phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam kêu gọi các tổ chức hội viên tiếp tục giảm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng

⁴⁸ Cụ thể: (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,5%/năm xuống 3%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNNVN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng, tiền gửi KKH và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm, tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng giảm từ 6%/năm xuống 4,75%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm từ 5,5%/năm xuống 4%/năm.

⁴⁹ Công văn số 8798/NHNNVN-TTGSNH ngày 14/12/2022; Công văn số 9046/NHNNVN-TD ngày 22/12/2022.

⁵⁰ Chỉ thị 01/CT-NHNNVN ngày 17/1/2023.

trường kinh tế.⁵¹ (4) Đồng thời, NHNNVN đã làm việc với một số tổ chức tín dụng về các loại phí tổ chức tín dụng đang áp dụng (bao gồm cả các loại phí liên quan đến hoạt động cho vay và các loại phí khác mà khách hàng vay vốn có thể phải trả) và có văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát, miễn, giảm thêm một số loại phí không cần thiết để hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Kết quả chung:

Việc giảm lãi suất cho vay theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do: (1) Chiến sự Nga – Ukraina khiến giá hàng hóa thế giới tăng mạnh vượt dự báo, tạo áp lực lạm phát nhập khẩu; các ngân hàng trung ương lớn đẩy nhanh thu hẹp nới lỏng chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất năm 2022 và tiếp tục tăng, duy trì ở mức cao các tháng đầu năm 2023. (2) Đồng USD tăng giá mạnh trên thị trường quốc tế trong năm 2022. (3) Các tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023 các tổ chức tín dụng huy động vốn với lãi suất ở mức cao và các khoản huy động này chưa đến thời hạn thanh toán. (4) Áp lực lạm phát trong và ngoài nước, đặc biệt là LPCB còn cao và dai dẳng nên chưa thể chủ quan với rủi ro lạm phát. Thị trường vốn chưa phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn tín dụng ngân hàng (tỷ lệ tín dụng/GDP cuối năm 2022 ở mức khoảng 126%⁵²); ngân hàng chủ yếu huy động vốn ngắn hạn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhu cầu cho vay trung dài hạn.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự đồng lòng, quyết tâm của toàn ngành ngân hàng, nhiệm vụ giảm lãi suất cho vay cơ bản hoàn thành theo chỉ đạo tại Nghị quyết 43. Theo đó, đến nay, mặt bằng lãi suất đã có xu hướng giảm, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND của các ngân hàng thương mại giảm khoảng hơn 2,5%/năm so với cuối năm 2022,⁵³ lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực theo quy định giảm 0,5%/năm so với cuối năm 2021. Với tác động có độ trễ của chính sách sau những lần điều chỉnh giảm lãi suất điều hành và các biện pháp đồng bộ khác của NHNNVN dự kiến mặt bằng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm.

⁵¹ Công văn số 4985/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 27/6/2023 về giảm mặt bằng lãi suất và công văn số 6385/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 14/8/2023 về giảm lãi suất cho vay. Công văn số 5152/NHNNVN-chính sách tiền tệ ngày 30/6/2023; Công văn số 282/HHNH-PLNV ngày 11/7/2023 kêu gọi tổ chức tín dụng tiếp tục đồng hành, chia sẻ khó khăn với DN, người dân. Công văn số 6936/NHNNVN-TD ngày 5/9/2023 về tăng cường công tác tín dụng, nâng cao khả năng tiếp cận, hấp thụ vốn tín dụng

⁵² Tính theo GDP đánh giá lại của Tổng cục Thống kê.

⁵³ Đến ngày 20/12/2023, lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại ở mức 3,9%/năm và 6,7%/năm.

- Tình hình cơ cấu lại thời hạn trả nợ, nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; tính an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng

NHNNVN đã nghiên cứu thực hiện chính sách kéo dài thời gian thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay và giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 tại Thông tư 01 trong trường hợp cần thiết. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ,⁵⁴ NHNNVN đã chủ động thực hiện nghiên cứu, phân tích, đánh giá và không tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư 01.

Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023, Nghị quyết 59/NQ-CP ngày 23/4/2023 của Chính phủ, NHNNVN ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNNVN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2024. Các khoản nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ là các khoản cho vay và cho thuê tài chính.

- Tình hình điều tiết tiền tệ, phối hợp với chính sách tài khóa; tình hình phát hành trái phiếu Chính phủ (số phát hành, cơ cấu sở hữu TPCP)

NHNNVN, Bộ Tài chính thường xuyên trao đổi thông tin về điều hành chính sách tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại; mua lại trái phiếu Chính phủ (TPCP) tại thị trường trong nước, các thông tin về ngân quỹ nhà nước để thực hiện phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa. Với việc ổn định lạm phát trong nước trong bối cảnh lạm phát thế giới tăng cao, điều hành chính sách tiền tệ đã góp phần duy trì nền tảng vĩ mô ổn định, là yếu tố quan trọng để nâng bậc xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam trong năm 2022 và năm 2023, qua đó góp phần tạo thuận lợi để nhà đầu tư, trong đó có các tổ chức tín dụng, yên tâm đầu tư vào TPCP, tạo nguồn huy động để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng của NSNN. Kết quả phát hành TPCP như sau: Năm 2022: 214.722 tỷ đồng; Năm 2023: 298.476 tỷ đồng, lãi suất trúng thầu TPCP ở mức: Kỳ hạn 5 năm 1,58%; Kỳ hạn 10 năm 2,20%; Kỳ hạn 15 năm 2,40%; Kỳ hạn 30 năm 3,0%.

⁵⁴ Tại Công văn số 4782/VPCP-KTTH ngày 16/6/2020 của Văn phòng Chính phủ về kết quả thực hiện Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo: “NHNNVN... theo thẩm quyền chủ động xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung các quy định tại Thông tư 01 theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với tình hình diễn biến của dịch Covid 19 tác động đến kinh tế vĩ mô, tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hỗ trợ đúng đối tượng, không để lợi dụng chính sách trục lợi, gây rủi ro cho hệ thống các tổ chức tín dụng”.

- Tình hình triển khai tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động

NHNNVN thực hiện tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến ngày 31/3/2022 (thời điểm NHNNVN kết thúc giải ngân tái cấp vốn theo quy định), NHNNVN đã giải ngân tái cấp vốn đối với NHCSXH với tổng số tiền là 4.787 tỷ đồng.

3. Việc áp dụng cơ chế đặc thù

a) Kết quả đạt được

- Về chỉ định thầu

Sau khi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư các dự án đường bộ cao tốc thuộc Chương trình, Chính phủ đã tiếp tục ban hành các Nghị quyết cụ thể chỉ đạo, triển khai thực hiện đối với từng dự án⁵⁵; trong đó, Chính phủ cho phép *Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và người có thẩm quyền tổ chức thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư áp dụng hình thức chỉ định thầu trong 2 năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn, xây lắp liên quan đến dự án, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư; trình tự, thủ tục chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu. Riêng gói thầu xây lắp các dự án thành phần (không bao gồm gói thầu xây lắp phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư), việc chỉ định thầu kèm theo yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 5% giá trị dự toán gói thầu (không bao gồm chi phí dự phòng).*

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 5520/BKHĐT-QLĐT ngày 08/8/2022 hướng dẫn Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được phân cấp làm cơ quan chủ quản, hướng dẫn các chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện cơ chế đặc thù về chỉ định thầu theo các Nghị quyết của Quốc hội.

⁵⁵ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022, số 119/NQ-CP ngày 08/9/2022 triển khai Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; các Nghị quyết số 89/NQ-CP, số 90/NQ-CP, số 91/NQ-CP ngày 25/7/2022 triển khai cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

Trong quá trình triển khai các dự án, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện các dự án, đồng thời đôn đốc Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương thực hiện công tác chỉ định thầu⁵⁶ để đáp ứng tiến độ lựa chọn nhà thầu tư vấn lập thiết kế xây dựng, tư vấn giám sát thi công, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các nhà thầu khác để đảm bảo đáp ứng yêu cầu khởi công các dự án.

Việc được áp dụng cơ chế đặc thù chỉ định thầu nêu trên đã rút ngắn trình tự, thủ tục, giảm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc các dự án đầu tư và các gói thầu phục vụ công tác công tác giải phóng mặt bằng của các địa phương. Nhờ việc áp dụng cơ chế trên, cùng với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự phối hợp, hỗ trợ đồng hành của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội và của các bộ, ngành, địa phương có liên quan; các dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, các dự án đường bộ cao tốc trục ngang khác⁵⁷ trong Chương trình đã sớm hoàn thành thủ tục phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu và khởi công xây dựng đáp ứng yêu cầu tiến độ rất khẩn trương. Sau gần 01 năm kể từ khi được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đã được khởi công xây dựng toàn bộ 12 Dự án thành phần vào ngày 01/01/2023; đến Quý I/2023, 25/25 gói thầu xây lắp thuộc Dự án đã được triển khai thi công xây dựng; đến nay tiến độ cơ bản bám sát kế hoạch.

Đối với công tác giải phóng mặt bằng, đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, các địa phương đã hoàn thành, bàn giao cho dự án trên 70% diện tích, đáp ứng điều kiện khởi công các Dự án thành phần; tính đến ngày 10 tháng 9 năm 2023, đã hoàn thành giải phóng mặt bằng và bàn giao 657,06/721,25 km (đạt khoảng 91%).

⁵⁶ (1) Thông báo số 46/TB-VPCP ngày 19/02/2022 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về tình hình triển khai các công trình, dự án trọng điểm ngành GTVT; (2) Thông báo số 71/TB-VPCP ngày 14/3/2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành, Trưởng ban chỉ đạo của Chính phủ tại cuộc họp Ban chỉ đạo; (3) Văn bản số 3928/VPCP-CN ngày 25/6/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc chỉ định thầu các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; (4) Văn bản số 5053/VPCP-CN ngày 10/8/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện cơ chế đặc thù về chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; (5) Văn bản số 6349/VPCP-CN ngày 23/9/2022 của Văn phòng Chính phủ về tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; (6) Văn bản số 47/VPCP-CN ngày 03/01/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp, tư vấn giám sát và tổ chức khởi công xây dựng Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025...

⁵⁷ Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1

Đối với việc di dời công trình hạ tầng kỹ thuật: Các địa phương đang triển khai di dời 77/143 vị trí đường dây điện cao thế 220 - 500 kV và triển khai di dời 562/1.531 vị trí, hoàn thành 257/562 vị trí đường dây 110 kV và đường dây trung, hạ thế⁵⁸.

Đến nay, Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 đã thu hồi khoảng 411/883 ha (đạt 47%), trong đó: dự án thành phần 1 đã thu hồi 164/228ha (đạt 72%), dự án thành phần 2 đã thu hồi 24/323ha (đạt 7%), dự án thành phần 3 đã thu hồi 223/332ha (đạt 67%).

Dự án đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 đã thực hiện bồi thường: 114/452 ha (đạt 25,30%; Dự án thành phần 1 và Dự án thành phần 2 chưa thực hiện bồi thường; Dự án thành phần 3 đã thực hiện bồi thường 114/13,49 ha, đạt 83%).

Dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 đã thu hồi khoảng 1107,18/1223,05 ha (đạt 90,5%), trong đó: tỉnh An Giang đã thu hồi 357,7/391,88 ha (đạt 91%), tỉnh Hậu Giang đã thu hồi 237,94/260,34 ha (đạt 91,4%), tỉnh Sóc Trăng đã thu hồi 304/331 ha (đạt 92%) và thành phố Cần Thơ đã thu hồi 207,54/230,2 ha (đạt 86,53%)⁵⁹.

Đối với việc xây dựng các khu tái định cư: Tổng số gồm 41.290 hộ dân có đất phải thu hồi, trong đó khoảng 5.806 hộ dân phải bố trí tái định cư tại 150 khu tái định cư (gồm 147 khu xây dựng mới và 3 khu đã có sẵn); đến nay, các địa phương đã hoàn thành 56 khu tái định cư; đang triển khai thi công 91 khu, dự kiến đến hết năm 2023 sẽ hoàn thành.

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này)

- Kết quả thực hiện chính sách không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trách nhiệm của nhà thầu theo quy định

Tại các Nghị quyết của Chính phủ triển khai các Nghị quyết của Quốc hội về các dự án thuộc Chương trình, để đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục, tháo gỡ khó khăn về nguồn vật liệu cung cấp cho các dự án, Chính phủ đã cho phép áp dụng một số cơ chế đặc thù đối với việc khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ các

⁵⁸Theo báo cáo số 487/BC-CP ngày 30/9/2023 của Chính phủ về tình hình thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 44/2022/QH15

⁵⁹Theo Báo cáo số 10417/BGTVT-KHĐT ngày 18/9/2023 của Bộ GTVT về tình hình thực hiện Nghị quyết 43

dự án. Ngay từ bước chuẩn bị đầu tư, các cơ quan chủ quản đã chỉ đạo các chủ đầu tư, tư vấn phối hợp với chính quyền địa phương khảo sát, lập hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu xây dựng đảm bảo đủ trữ lượng, chất lượng yêu cầu; sớm hoàn thành các thủ tục để được chấp thuận việc khai thác mỏ vật liệu xây dựng đáp ứng tiến độ thi công các dự án.

Tại các phiên họp định kỳ của Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trong đó tập trung giải quyết nguồn vật liệu cung cấp cho các dự án, đặc biệt là các dự án khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương trong việc giải quyết thủ tục⁶⁰.

Bộ Giao thông vận tải đã có văn bản gửi các địa phương⁶¹, chủ trì thành lập 02 Tổ công tác cùng với các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, làm việc với các địa phương để kịp thời xử lý các vướng mắc liên quan đến khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng; tổng hợp báo cáo⁶² Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để giải quyết các vướng mắc; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường làm việc với các địa phương và có văn bản hướng dẫn⁶³ việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo cơ chế đặc thù.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã trực tiếp kiểm tra hiện trường và làm việc với Lãnh đạo các địa phương (Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) về triển khai các dự án và tình hình cung cấp vật liệu xây dựng. Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã chủ trì 02 buổi làm việc với các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ngày 08/7/2023 và 05/9/2023). Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì đoàn công tác cùng Bộ Giao thông vận tải làm việc với các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long (ngày 10-12/10/2023) để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy các dự án cao tốc trọng điểm của vùng, đặc biệt việc đảm bảo nguồn vật liệu cho các dự án.

Tình hình cung cấp vật liệu tại các dự án

⁶⁰ Các Công điện: số 194/CD- TTg ngày 01/4/2023; số 573/CD-TTg ngày 21/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Các Thông báo số 63/TB-VPCP ngày 02/3/2023, số 79/TB-VPCP ngày 17/3/2023, số 88/TB-VPCP ngày 22/3/2023, số 311/TB-VPCP ngày 07/8/2023 của Văn phòng Chính phủ; Các văn bản: số 741/VPCP-CN ngày 09/02/2023, số 2029/VPCP-CN ngày 28/3/2023, số 3926/VPCP-CN ngày 31/5/2023 của Văn phòng Chính phủ...

⁶¹ Các Văn bản số 3343/BGTVT-CQLXD ngày 06/4/2023, số 4245/BGTVT-CQLXD ngày 24/4/2023...

⁶² Các Văn bản: số 7649/BGTVT-CQLXD ngày 14/7/2023; số 8748/BGTVT-CQLXD ngày 10/8/2023; số 9504/BGTVT-CQLXD ngày 25/8/2023; 9498/BGTVT-CQLXD ngày 25/8/2023.

⁶³ Các Văn bản số 4766/BTNMT-KSVN ngày 20/6/2023; số 5306/BTNMT-KSVN ngày 07/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

+ Đối với 10/12 Dự án thành phần đoạn từ tỉnh Hà Tĩnh đến tỉnh Khánh Hòa: Bộ GTVT đã chỉ đạo, yêu cầu các chủ đầu tư/Ban quản lý dự án, nhà thầu phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong việc hoàn thiện thủ tục khai thác mỏ vật liệu xây dựng. Đến nay, đối với mỏ mới giao nhà thầu khai thác, các nhà thầu đã trình 13/14 hồ sơ đăng ký khối lượng khai thác cát với tổng trữ lượng 4,3 triệu m³, 56/74 hồ sơ đăng ký khối lượng khai thác đất với tổng trữ lượng 49,2 triệu m³; Ủy ban nhân dân các tỉnh đã xác nhận bản đăng ký khối lượng khai thác 10/13 mỏ cát, 38/56 mỏ đất; hiện đã khai thác được 05/10 mỏ cát⁶⁴ với trữ lượng khoảng 2 triệu m³ và 24/38 mỏ đất⁶⁵ với trữ lượng khoảng 14 triệu m³. Đối với các mỏ đã hoàn thành bản đăng ký khối lượng, hiện các nhà thầu đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất để có thể khai thác trong tháng 10/2023. Đối với các mỏ còn lại dự kiến hoàn thành các thủ tục trong năm 2023.

+ Đối với 02/12 Dự án thành phần đoạn từ Cần Thơ đến Cà Mau: Tổng nhu cầu vật liệu đá cần khoảng 1,35 triệu m³, đất đắp khoảng 1,5 triệu m³ lấy từ các mỏ đang khai thác trong khu vực có khả năng cung ứng đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng, trữ lượng. Đối với vật liệu cát đắp nền với tổng nhu cầu khoảng 18,4 triệu m³, Chính phủ đã giao chỉ tiêu cụ thể cho các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long để ưu tiên cung cấp cho các dự án⁶⁶, đến nay các tỉnh đang tập trung thực hiện⁶⁷.

Dự án cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu: Dự kiến nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường bao gồm đất đắp khoảng 6,4 triệu m³; cát khoảng 0,8 triệu m³; đá khoảng 1,9 triệu m³. Theo Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng, trữ lượng nguồn cung cấp vật liệu cho Dự án về cơ bản đáp ứng. Hiện các chủ đầu tư và các nhà thầu đang làm các thủ tục khai thác mỏ.

⁶⁴ Tỉnh Bình Định 02 mỏ, Phú Yên 03 mỏ.

⁶⁵ Tỉnh Hà Tĩnh 07 mỏ (trong đó 05 mỏ mới khai thác được một phần) Quảng Ngãi 03 mỏ, tỉnh Bình Định 06 mỏ, tỉnh Khánh Hòa 08 mỏ.

⁶⁶ An Giang 7 triệu m³, năm 2023 là 3,3 triệu m³; Đồng Tháp 7 triệu m³, năm 2023 là 3,3 triệu m³; Vĩnh Long 5 triệu m³, năm 2023 là 2,5 triệu m³

⁶⁷ (1) Tỉnh An Giang tổng nguồn cung cho dự án đến nay đã xác định được 5,5 triệu m³; đối với 1,5 triệu còn lại, UBND tỉnh An Giang chưa xác định nguồn cung. Nếu thuận lợi, trong năm 2023 có thể hoàn thành thủ tục để khai thác 1,99 triệu m³ (đã lấy 0,11 triệu m³; nâng công suất 01 mỏ 0,3 triệu m³; 01 mỏ đang khai thác cung cấp 1,58 triệu m³), UBND tỉnh An Giang đã cam kết điều phối đủ yêu cầu năm 2023 là 3,3 triệu m³; (2) Tỉnh Đồng Tháp tổng nguồn cung cho dự án đến nay đã xác định được 4,7 triệu m³; đối với 2,3 triệu còn lại, UBND tỉnh Đồng Tháp chưa xác định nguồn cung. Nếu thuận lợi, trong năm 2023 có thể hoàn thành thủ tục để khai thác 3,3 triệu m³ (đã lấy 0,371 triệu m³; nâng công suất 1,03 triệu m³; 04 mỏ mới trong năm 2023 khai thác được 1,9 triệu m³), đáp ứng chỉ tiêu phân bổ của năm 2023 cho dự án (trong tháng 10 sẽ bàn giao cho nhà thầu 04 mỏ để tiến hành các thủ tục khai thác); (3) Tỉnh Vĩnh Long đã có chủ trương cung ứng cho dự án khoảng 3,35 triệu m³ tại 04 vị trí mỏ; đối với 1,65 triệu còn lại UBND tỉnh Vĩnh Long chưa xác định nguồn cung. UBND tỉnh Vĩnh Long cam kết đẩy nhanh thủ tục để trong tháng 10/2023 có thể bàn giao 01 mỏ cho nhà thầu tiến hành các thủ tục khai thác (0,75 triệu m³) và đảm bảo phân bổ đủ nguồn cát cho nhu cầu năm 2023 của dự án.

Dự án cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột: Dự kiến nhu cầu vật liệu thông thường gồm đất đắp khoảng 3,6 triệu m³; cát khoảng 1,7 triệu m³; đá khoảng 4,0 triệu m³. Các dự án thành phần đã tổ chức khảo sát mỏ vật liệu xây dựng, khả năng cung cấp vật liệu cơ bản đáp ứng nhu cầu. Hiện các chủ đầu tư và các nhà thầu đang làm các thủ tục khai thác mỏ.

Các dự án khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Hiện nay, tại khu vực này đang triển khai nhiều dự án quan trọng, công trình trọng điểm giao thông vận tải⁶⁸. Chỉ tính riêng các dự án cao tốc đang triển khai trong khu vực, nhu cầu vật liệu cần khoảng gần 56,3 triệu m³ cát, chưa kể các công trình, dự án của địa phương triển khai cùng thời điểm. Bộ Giao thông vận tải đã tổng hợp nhu cầu các loại vật liệu theo tiến độ triển khai dự án, công trình tại khu vực để phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương thực hiện phân bổ, điều phối đáp ứng tiến độ triển khai các dự án⁶⁹.

Đối với các dự án khác thuộc Chương trình: Các địa phương đã cơ bản xác định được nguồn vật liệu, tuy nhiên trong thời gian tới, tại một số địa phương (tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Đồng Nai,...) sẽ triển khai đồng loạt một số dự án nên với công suất khai thác hiện nay, có thể trong một số thời điểm sẽ khó đáp ứng được đầy đủ nhu cầu về vật liệu.

(iii) Hiệu quả, tác động của cơ chế đặc thù

Việc áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã đạt được một số hiệu quả nhất định như:

- Rút ngắn được thời gian thực hiện các thủ tục khai thác khoáng sản: rút ngắn được khoảng 10 tháng so với việc thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản do không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản.

- Đến nay, các nhà thầu đã trực tiếp khai thác một số mỏ vật liệu xây dựng thông thường⁷⁰, không qua khâu trung gian, cơ bản hạn chế được tình trạng đầu cơ, nâng giá.

((Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này))

- Tình hình thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý và có văn bản đề xuất làm cơ quan

⁶⁸ Các dự án cao tốc đoạn Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Mỹ An - Cao Lãnh, Cao Lãnh - An Hữu...

⁶⁹ Văn bản số 2930/BGTVT-CQLXD ngày 27/3/2023.

⁷⁰ 05 mỏ cát, 24 mỏ đất tại Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

chủ quản thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc theo hình thức đầu tư công đi qua địa bàn thuộc Chương trình.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28/7/2022 phân cấp thực hiện các dự án, dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc Chương trình cho các địa phương. Theo đó đã phân cấp 14/16 dự án, dự án thành phần⁷¹ đoạn tuyến đường bộ cao tốc cho Ủy ban nhân dân các địa phương để thực hiện, đồng thời quy định cụ thể yêu cầu đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp làm cơ quan chủ quản thực hiện.

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này)

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này)

4. Việc thực hiện các chính sách khác

a) Kết quả đạt được

- Tình hình sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet:

Tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, Chương trình có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp một phần chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông (khu vực đến hết năm 2020 chưa có dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định hoặc chưa có dịch vụ thông tin di động mặt đất hoặc cả 02 dịch vụ này); việc đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, internet do doanh nghiệp viễn thông bố trí nguồn vốn, tự thực hiện đầu tư và được Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công

⁷¹ Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật giai đoạn 1: Dự án thành phần 1 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Dự án thành phần 3 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1: Dự án thành phần 1 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Dự án thành phần 3 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1: Dự án thành phần 1 giao Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Dự án thành phần 2 giao Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án thành phần 3 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Dự án thành phần 4 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu giai đoạn 1: Dự án thành phần 1 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Dự án thành phần 2 giao Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang; Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Tuyên Quang) giao Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Hà Giang) giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang; Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (đoạn từ Km19+000 - Km53+000 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình) giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình; Dự án đầu tư cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định trên tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

ích hỗ trợ bù đắp chi phí, bao gồm cả chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ;

Đối với nhiệm vụ này, hiện nay Bộ TTTT đã ban hành Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 hướng dẫn thực hiện; trong đó, Bộ TTTT đã công bố danh sách các thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông thuộc đối tượng được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; bao gồm 5.156 thôn (4.618 thôn đã có điện được Chương trình hỗ trợ phát triển hạ tầng và 538 thôn chưa có điện sẽ được Chương trình hỗ trợ khi có điện để phát triển hạ tầng) tại Phụ lục X và Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT;

Để triển khai xây dựng định mức chi phí làm cơ sở hỗ trợ các doanh nghiệp đối với 1.245 thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông đã được các doanh nghiệp viễn thông đầu tư phát triển từ năm 2021 đến hết tháng 8/2022, Bộ TTTT đã tổ chức xây dựng, ban hành Quyết định số 1669/QĐ-BTTTT ngày 29/8/2023 ban hành Thiết kế tiêu chuẩn trạm thu phát sóng - BTS và công trình hạ tầng đáp ứng yêu cầu tối thiểu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông;

Để thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn, Bộ TTTT đã tổ chức rà soát, xác định và công bố các thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là 401 thôn tại Quyết định số 969/QĐ-BTTTT ngày 06/6/2023 và Quyết định số 1851/QĐ-BTTTT ngày 27/9/2023.

Hiện nay, các đơn vị thuộc Bộ TTTT đang xây dựng hồ sơ đề phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện nhiệm vụ.

Đối với 1.245 thôn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện đầu tư phát triển từ năm 2021 đến hết tháng 8/2022:

- Theo quy định tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg phương thức hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các thôn này được thực hiện *theo phương thức đặt hàng*. Pháp luật về đặt hàng cung cấp dịch vụ công hiện nay (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) quy định điều kiện đặt hàng phải có giá, đơn giá tính đủ chi phí, do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Theo quy định của pháp luật viễn thông hiện nay chỉ có giá dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng sử dụng dịch vụ, chưa có quy định về xác định giá cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tính đủ chi phí cho 01 thôn nên việc xây

dựng phương án giá tính đủ chi phí cung cấp dịch vụ cho một thôn của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng, bất cập do:

(i) Kinh doanh dịch vụ viễn thông là hoạt động có tính quy mô theo mạng lưới của doanh nghiệp, phạm vi toàn quốc, dịch vụ cung cấp tại mỗi thôn liên quan đến chi phí hoạt động của cả mạng lưới (bao gồm hệ thống hạ tầng, chi phí quản lý, vận hành, bảo trì và các chi phí khác liên quan). Việc xác định giá cung cấp dịch vụ viễn thông cho từng thôn (tính đủ chi phí) là rất khó khăn, chưa có tiền lệ trong lĩnh vực viễn thông;

(ii) Hoạt động đầu tư của doanh nghiệp viễn thông đối với mỗi dự án gồm nhiều địa bàn đầu tư, nhiều địa điểm đầu tư, nhiều địa bàn, ở nhiều thôn, giá trị hoàn thành công trình tính cho cả dự án, không tính riêng cho từng thôn nên ngoài thiết bị đầu tư trực tiếp tại mỗi thôn, khó xác định chi phí đầu tư đầy đủ cho mỗi thôn để tính đủ chi phí trong giá cung cấp dịch vụ cho mỗi thôn như quy định về đặt hàng;

(iii) Thời điểm các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông công ích ở các thôn nêu trên trong điều kiện phòng, chống dịch Covid 19, nhiều thiết bị được điều chuyển trên mạng lưới để đáp ứng yêu cầu thực hiện trong điều kiện cấp bách. Việc tổng hợp giá trị thiết bị từ nhiều nguồn để xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản để tính đủ chi phí khấu hao tài sản cố định ở mỗi thôn các doanh nghiệp gặp khó khăn.

Vì khó khăn trên, việc tính đầy đủ chi phí trong giá cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho từng thôn hiện thiếu cơ sở pháp lý, phức tạp trong thực tiễn; khó đảm bảo điều kiện để thực hiện hỗ trợ theo phương thức đặt hàng. Hiện nay, Bộ TTTT đang nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh phương thức hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện và cơ chế hỗ trợ tài chính cho phù hợp với đặc thù của ngành và thực tế đã triển khai.

Đối với các thôn chưa có dịch vụ viễn thông (theo Quyết định số 2269/QĐ-TTg thực hiện theo phương thức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ):

Bộ TTTT đã khảo sát và hoàn thành công bố danh sách các thôn thuộc phạm vi đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông như báo cáo trên. Tuy nhiên, phạm vi triển khai rộng, ở nhiều địa bàn xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên quá trình triển khai các thủ tục để đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, cũng có phát sinh vướng mắc về cơ sở xác định dự toán kinh phí làm căn cứ xác định giá gói thầu; việc tổ chức khảo sát lập dự toán chi tiết cần nhiều thời gian, chi phí (các doanh nghiệp được đề nghị cung cấp báo giá không thuyết minh được các

cơ sở tính toán cụ thể). Do đó, đến nay chưa triển khai được công tác đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại các thôn này;

Với khó khăn, vướng mắc nêu trên, hiện nay, Bộ TTTT đang hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2269/QĐ-TTg, có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn đối với các trường hợp này.

- Tình hình sử dụng 1 nghìn tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (Số huy động, quản lý, sử dụng từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam cho các mục tiêu đã nêu; kết quả việc sử dụng vốn):

Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là quỹ tài chính nhà nước, việc sử dụng Quỹ phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật. Với số lượng máy tính bảng của Chương trình là 400.000 chiếc để hỗ trợ cho đối tượng khoảng 2,1 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo (đến hết năm 2021), cần phải xác định đối tượng được ưu tiên các loại máy tính bảng trên thị trường rất khác nhau về chủng loại, chất lượng, cấu hình, do đó Bộ TTTT phải ban hành văn bản pháp luật hiện hành để áp dụng cho chính sách này;

Thực hiện nhiệm vụ Quốc hội giao tại Nghị Quyết 43/2015/QH15 và nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2269/QĐ-TTg, Bộ TTTT đã chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức nghiên cứu, xây dựng và ban hành Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình); *tại Thông tư đã hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc hỗ trợ máy tính bảng; cấu hình kỹ thuật của máy tính bảng; quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng phục vụ học tập; quy định về đối tượng được hỗ trợ; tiêu chí phân bổ, tiêu chí ưu tiên xét chọn đối tượng nhận hỗ trợ máy tính bảng.*

Bộ TTTT đã tổ chức khảo sát thu thập số liệu từ các địa phương, Bộ Lao động, Thương binh, Xã hội (LĐ-TB&XH), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, số lượng đối tượng chính sách xã hội của các địa phương; số lượng máy tính, máy tính bảng đã hỗ trợ cho các đối tượng thông qua nguồn xã hội hóa thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

Trên cơ sở quy định của Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT, số liệu liên quan về các đối tượng được hỗ trợ đã thu thập được, Bộ TTTT đã phân bổ số lượng máy

tính bảng của Chương trình (400.000 chiếc) cho các địa phương tại Quyết định số 1506/QĐ-BTTTT ngày 12/8/2022 và tổ chức triển khai các thủ tục liên quan để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính bảng;

Trong quá trình triển khai thực hiện, điều kiện thực tế đã có nhiều thay đổi: Đại dịch Covid-19 về cơ bản đã được khống chế, học sinh đã đi học trực tiếp (*không còn dạy, học trực tuyến*); mặt khác, cũng có ý kiến cần đánh giá kết quả triển khai trong thời gian vừa qua (với mức kinh phí dự kiến hỗ trợ không quá 2,5 triệu đồng/máy) từ nguồn xã hội hóa trước khi triển khai tiếp. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ TTTT đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát đánh giá, hiệu quả hỗ trợ máy tính bảng, chất lượng máy tính bảng đã được hỗ trợ từ nguồn xã hội hóa trong tháng 9/2022;

Căn cứ kết quả khảo sát và báo cáo đánh giá của Bộ GD&ĐT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngày 20/10/2022, Bộ TTTT đã có Tờ trình số 111/TTr-BTTTT báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng theo Chương trình “Sóng và máy tính cho em” từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam. Theo đó, Bộ TTTT đã trình Thủ tướng Chính phủ:

(i) *Chỉ đạo ngành Giáo dục triển khai dạy học trực tuyến để triển khai hỗ trợ 400.000 máy tính bảng từ nguồn Quỹ;*

(ii) *Tạm thời chưa triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ máy tính bảng cho đến khi Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai dạy và học trực tuyến theo quy định.*

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2023, Bộ TTTT đã dự thảo nội dung Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của 02 Bộ về *phương án chuyển hướng hỗ trợ thiết bị cho học sinh thuộc hộ nghèo* gửi xin ý kiến Bộ GD&ĐT (Văn bản số 1730/BTTTT-KHTC ngày 11/5/2023);

Ngày 18/5/2023, Bộ GD&ĐT có Văn bản số 2264/ BGDDĐT-CVSC gửi Bộ TTTT; Tuy nhiên tại Văn bản này, Bộ GD&ĐT vẫn chưa thống nhất phương thức quản lý, hỗ trợ thiết bị cho học sinh;

Ngày 07/9/2023, Lãnh đạo 02 Bộ đã tổ chức cuộc họp để thống nhất phương án chuyển hướng hỗ trợ máy tính bảng thuộc Chương trình “Sóng và máy tính cho em” từ nguồn Quỹ. Theo đó, tại cuộc họp 02 Bộ đã thống nhất chuyển hướng từ *hỗ trợ máy tính bảng sang hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo*;

Ngày 07/12/2023, Bộ GD&ĐT có Văn bản số 6851/BGDĐT-CSVC gửi Bộ TTTT đề nghị tiếp tục thực hiện hỗ trợ máy tính bảng cho học sinh thuộc hộ nghèo theo Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

Như vậy, đến nay vẫn chưa có sự thống nhất giữa 02 Bộ về việc tổ chức triển khai hỗ trợ thiết bị cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo như yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 10/NQ-CP; Do đó, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam chưa triển khai giải ngân thực hiện hỗ trợ máy tính bảng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc Chương trình “Sống và máy tính cho em”; từ nguồn Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam;

Hiện nay, Bộ TTTT đang hoàn thiện hồ sơ đề trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025; trong đó, Bộ TTTT sẽ đề xuất điều chỉnh chính sách hỗ trợ thiết bị từ máy tính bảng sang điện thoại thông minh cho phù hợp với thực tế hiện nay, đảm bảo hiệu quả của Chương trình (*Dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý I/2024*).

- Tình hình giải quyết các vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tình hình huy động và sử dụng nguồn lực để thực hiện nội dung đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp:

Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN ngày 31/5/2022 của về hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp sửa đổi Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC. Theo đó, Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 17 của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC và bổ sung các hướng dẫn về nội dung chi được quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Cụ thể như sau:

Đối với nội dung chi cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp: Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN quy định Quỹ bố trí vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh do doanh nghiệp chủ trì hoặc phối hợp thực hiện trên cơ sở hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được ký kết và trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt theo quy định pháp luật về khoa học và công nghệ.

Đối với nội dung chi hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp: Điều 4 Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN quy định chi tiết 09 nội dung chi⁷², trong đó các nội dung chi của Quỹ được cụ thể hóa hơn so với Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC. Đặc biệt là quy định nội dung chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; bổ sung nội dung chi mua nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ theo Nghị quyết 43; bổ sung thêm nội dung chi tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

(3) *Đối với nội dung chi thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ:* Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN đã quy định chi tiết 5 nội dung chi mới⁷³, cụ thể hóa Nghị quyết 43 và bổ sung nội dung chi theo Điều 28 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP bằng nguồn chi của Quỹ.

(4) Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN cũng đã bãi bỏ các thủ tục thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, theo đó doanh nghiệp tự quyết định về loại hình, tiêu chuẩn, số lượng thành viên hội đồng để tư vấn cho Quỹ trong hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nhiều doanh nghiệp đã rất chủ động và linh hoạt trong lựa chọn chuyên gia, quy định số lượng chuyên gia trong từng hội đồng khoa học, thậm chí có doanh nghiệp đã chủ động phối hợp với các hội đồng khoa học và công nghệ của địa phương để đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý khi sử dụng Quỹ.

Như vậy, đối với những vướng mắc về nội dung chi, thủ tục trích lập Quỹ,

⁷² (1) Chi đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (2) Chi mua quyền sử dụng, quyền sở hữu: bí quyết công nghệ; kiến thức kỹ thuật về công nghệ; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; giống cây trồng; kiểu dáng công nghiệp; (3) Chi mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh để thay thế một phần hay toàn bộ công nghệ đã, đang sử dụng bằng công nghệ khác tiên tiến hơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoạt cải tiến phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp; (4) Chi cho trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động KH&CN của doanh nghiệp; (5) Chi cho đào tạo nhân lực KH&CN của doanh nghiệp; (6) Chi cho hoạt động sáng kiến; (7) Chi cho hoạt động hợp tác về KH&CN với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước; (8) Chi cho đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; chi đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; (9) Chi cho tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia đến năm 2025”.

⁷³ Chi thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận CGCN từ tổ chức KH&CN theo Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; Chi đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp ĐMST; Chi cho đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thương mại hóa kết quả nghiên cứu KH&CN; giải mã công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ và thuê tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để tư vấn, quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ KH&CN của doanh nghiệp; Chi mua sắm, nhập khẩu vật mẫu phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; Chi hỗ trợ tổ chức KH&CN của doanh nghiệp có liên kết với tổ chức ứng dụng, CGCN địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu KH&CN phù hợp với đặc thù địa phương; Chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ.

quản lý và sử dụng Quỹ, Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN và Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (gọi tắt là Thông tư số 67/2022/TT-BTC) thay thế Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC về cơ bản đã tháo gỡ các vướng mắc chính trước đây của các doanh nghiệp trong việc sử dụng Quỹ cho các khoản chi tiêu lớn như chi tiêu để đổi mới, chuyển giao công nghệ hay mua sắm nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, đồng thời cũng tăng sự chủ động, tự chủ của các doanh nghiệp trong việc quyết định sử dụng Quỹ trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN cũng quy định cụ thể hơn về thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia, của bộ, ngành và địa phương cho hoạt động nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

Theo báo cáo của các Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thông qua các kênh thông tin tuyên truyền và các hình thức tuyên truyền khác nhau, các quy định về Quỹ đã được phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp hoạt động trong địa bàn các tỉnh, thành phố nhằm tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp thành lập và sử dụng Quỹ để phục vụ hoạt động chuyển giao và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp⁷⁴. Tuy nhiên, theo số liệu khảo sát của các Sở Khoa học và Công nghệ, rất ít các doanh nghiệp thực hiện trích lập Quỹ. Đa số các doanh nghiệp vẫn hoạt động theo hướng truyền thống, chưa tìm hiểu cũng như chưa chú trọng vào việc thành lập và sử dụng Quỹ. Một số ít doanh nghiệp thực hiện trích lập Quỹ phục vụ mục đích trang bị cơ sở vật chất, mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ; trả lương, chi thuê chuyên gia; chi đào tạo nhân lực Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp; sở hữu trí tuệ⁷⁵.

Theo ý kiến của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội⁷⁶, Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN đã mở rộng các nội dung chi về Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp so với Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHHCN-BTC, đặc biệt đã bổ sung các nội dung chi mà doanh nghiệp đang có nhu cầu sử dụng Quỹ

⁷⁴ Công văn số 4695/SKHHCN-QLCN ngày 11/12/2023 của Sở KH&CN TP Hồ Chí Minh báo cáo Nghị quyết 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH: đã tổ chức và phối hợp tổ chức 06 hội thảo/hội nghị hướng dẫn tuyên truyền về trích lập, sử dụng và tổ chức quản lý Quỹ với sự tham gia của gần 400 doanh nghiệp. Hướng dẫn 22 doanh nghiệp về thủ tục, hồ sơ thành lập, trích và sử dụng Quỹ.

⁷⁵ Công văn 271/BC-SKHHCN ngày 30/11/2023 của Sở KH&CN tỉnh Lạng Sơn báo cáo kết quả thực hiện chính sách về công nghệ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn phục vụ báo cáo Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 94/2023/QH15; Công văn 2264/BC-SKHHCN ngày 28/11/2023 của Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi báo cáo phục vụ Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 94/2023/QH15.

⁷⁶ Công văn số 9082/CNVTQĐ-CNCNC ngày 02/11/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 43.

như: chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo; mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, quy định về các nội dung chi chính của Quỹ về cơ bản không còn vướng mắc, khó khăn. Tuy nhiên, do Thông tư số 05/2022/TT-BKHHCN vẫn căn cứ vào nội dung chi tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 07/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ nên nhiều nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ nhưng doanh nghiệp chưa được phép chi từ Quỹ như: hỗ trợ hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN; khen thưởng khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế,...

- Đối với việc sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet

Việc thực hiện chính sách đã được ban hành chưa được như kỳ vọng và so với quy mô nguồn lực được giao, chủ yếu do:

- Chương trình có quy mô lớn, triển khai trên phạm vi toàn quốc, bao hàm nhiều chính sách với đối tượng thụ hưởng đa dạng cung cấp, đặc biệt là giải quyết yêu cầu cung cấp dịch vụ tại khu vực khó khăn nhất (tồn tại nhiều năm qua chưa giải quyết được), chưa có đủ cơ sở pháp lý, cần phải xây dựng từ đầu. Do đó yêu cầu việc triển khai cần thận trọng để tránh tiêu cực, lãng phí, trục lợi chính sách.

- Cơ chế chính sách đặc thù trong quản lý để thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đặc thù như cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến thôn, bản đặc biệt khó khăn chưa có, phải áp dụng theo quy định về quản lý ngân sách Nhà nước còn nhiều vướng mắc, bất cập.

5. Việc huy động nguồn lực và điều hòa vốn

a) Kết quả đạt được

- Kết quả thực hiện việc huy động nguồn lực từ nguồn làm tăng bội chi NSNN (số bội chi trong 2 năm 2022 và 2023; huy động từ các nguồn: TPCP, vay ODA, vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác).

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 31/12/2022 phê duyệt nguồn lực cho Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, làm cơ sở tổ chức thực hiện.

Đối với năm 2022: Nhờ kết quả thu ngân sách đạt khá, kết hợp với việc điều hành ngân sách nhà nước chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, đã đảm bảo các nguồn lực sẵn có đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu phát sinh thực hiện Chương trình phục hồi, không phải huy động thêm so với kế hoạch đầu năm.

Đối với năm 2023: Nhu cầu huy động vốn cho Chương trình được tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 đã được Quốc hội quyết định. Công tác huy động vốn đến nay như sau:

Vay hỗ trợ phát triển chính thức, vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức hỗ trợ cân đối ngân sách: Đã thực hiện đàm phán thành công với Chính phủ Nhật Bản về khoản vay 50 tỷ Yên và Ngân hàng Thế giới (WB) về khoản vay 269,9 triệu USD. Trong đó:

Đối với khoản vay của Chính phủ Nhật Bản: Căn cứ phê duyệt và ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, ngày 04/7/2023 Bộ Tài chính và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký Thỏa thuận vay của khoản vay trị giá 50 tỷ Yên hỗ trợ chung ngân sách để sử dụng cho Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH; có hiệu lực từ ngày 19/10/2023.

Đối với việc giải ngân lần 1: Bộ Tài chính và JICA đã phối hợp và hoàn thành việc rút vốn vay vào NSNN với số tiền 20 tỷ Yên trong tháng 10/2023.

Đối với việc giải ngân lần 2: Bộ Tài chính đã ký đơn rút vốn gửi JICA ngày 11/12/2023. Theo thông báo của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng phục vụ chương trình), JICA đã giải ngân vào tài khoản của chương trình mở tại BIDV ngày 22/12/2023. Bộ Tài chính sẽ thực hiện giải ngân vào tài khoản NSNN trong tháng 12/2023.

Đối với khoản vay IDA hủy của WB: Căn cứ phê duyệt của cấp thẩm quyền về chủ trương đàm phán tiếp nhận khoản vay của IDA theo phương thức hỗ trợ ngân sách chung để hỗ trợ thực hiện phục hồi bền vững và bao trùm trong phạm vi Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc đàm phán khoản vay WB từ nguồn IDA hủy trị giá trị giá 195,9 triệu SDR (tương đương khoảng 263,9 triệu USD) hỗ trợ ngân sách cho Chương trình.

Được sự phê duyệt của Chủ tịch nước, Bộ Tài chính đã ký hiệp định vay ngày 22/12/2023, dự kiến sẽ giải ngân trước 31/01/2024.

Về phát hành trái phiếu Chính phủ: Việc phát hành trái phiếu Chính phủ cho các nhiệm vụ chi của Chương trình năm 2023 được thực hiện trong kế hoạch huy động trái phiếu Chính phủ năm 2023, phù hợp với tiến độ triển khai các dự án và được gắn kết chặt chẽ với quản lý ngân quỹ nhà nước.

Về việc đẩy nhanh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước; rà soát lại năng lực đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC): Thực tế thời gian vừa qua, tiến độ triển khai cổ phần hóa, thoái vốn chậm, do cả nguyên nhân khách quan (bất ổn lớn của thị

trường tài chính trong nước và quốc tế; ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; đặc thù của các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn này là các doanh nghiệp lớn, phạm vi hoạt động rộng, đa ngành, đa lĩnh vực, nhiều tài sản chuyên ngành, khó xác định giá trị...) và nguyên nhân chủ quan (nhận thức và tổ chức thực hiện của người đứng đầu doanh nghiệp còn chưa cao, chưa quyết liệt; Công tác chuẩn bị cổ phần hóa, thoái vốn chưa tốt,...).

Hiện nay, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025 của SCIC. Theo đó, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh 05 năm của SCIC, Bộ Tài chính sẽ có công văn đề nghị SCIC đánh giá năng lực đầu tư thực hiện các Chương trình, dự án theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

Ngoài ra, để đẩy mạnh khai thác các nguồn lực, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính tổ chức, triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp thu ứng dụng công nghệ thông tin, hóa đơn điện tử, thu hoạt động thương mại điện tử, bất động sản; đơn giản hóa thủ tục hành chính, triển khai hóa đơn điện tử thông qua máy tính trên các hệ thống cửa hàng bán lẻ, hàng ăn uống,...; đẩy mạnh chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế; làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thuế; quyết liệt xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; đôn đốc thu đầy đủ, kịp thời các khoản phải thu vào ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành, Chính phủ đã chỉ đạo tăng cường quản lý phần đầu tăng thu, không những bù đắp được số giảm thu do thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, mà còn dành nguồn thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bổ sung nguồn lực cho đầu tư phát triển, hỗ trợ Chương trình phục hồi, không phải tăng bội chi ngân sách nhà nước năm 2022; đồng thời, thực hiện tiết kiệm chi, cắt giảm các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, các khoản chi không thực hiện, để giảm bội chi ngân sách nhà nước.

- Các biện pháp khác để khai thác các nguồn lực (số thu từ các nguồn khác nhau theo quy định tại khoản 2 Điều 4 NQ43)

Nghiên cứu phương án cho phép doanh nghiệp được trừ bổ sung theo tỷ lệ nhất định trên cơ sở chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với chi phí tạo tài sản cố định và chi phí lao động; phương án

tăng thuế đối với giao dịch chứng khoán, bất động sản, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định

Các nội dung nêu trên liên quan đến quy định của pháp luật về thuế hiện hành, như thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDDPNN)...

Thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó *giao Bộ Tài chính nghiên cứu, rà soát Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế TNDN, Luật thuế TNCN, Luật thuế bảo vệ môi trường (BVMT), Luật thuế tài nguyên, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN), Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDDPNN), Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (XK, NK) trình cấp thẩm quyền, xem xét đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh.* Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện các Báo cáo nghiên cứu, rà soát các Luật thuế và phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu. Cụ thể:

(i) Chính phủ đã có Báo cáo số 265/BC-CP ngày 09/8/2022 gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó báo cáo kết quả nghiên cứu rà soát các Luật thuế GTGT, TTĐB, TNDN.

(ii) Tại thông báo số 1486/TB-TTKQH ngày 27/9/2022 của Tổng thư ký Quốc hội về Hội nghị đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch số 81/KHUBTVQH15 và triển khai Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã kết luận: Đối với 32 nhiệm vụ lập pháp đã hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát nhưng chưa có đề xuất đưa dự án vào Chương trình cần khẩn trương chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, 2023; đồng thời cần bảo đảm yêu cầu chất lượng, thứ tự ưu tiên và tính khả thi của Chương trình.

Ngày 08/02/2023, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội đã có công văn số 980/UBTCNS15 gửi Văn phòng Chính phủ đôn đốc triển khai nhiệm vụ lập pháp và một số nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, ngân sách. Trong đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc các Bộ, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng các dự án

Luật về thuế TTĐB, GTGT, TNDN để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2024 theo tiến độ đã được Chính phủ đề xuất tại Báo cáo số 265/BC-CP.

(iii) Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiến hành lập hồ sơ đề nghị xây dựng các đề án 03 Luật thuế nêu trên để đăng ký vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó:

- Đối với Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT: Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 159/TTr-BTC ngày 24/7/2023 về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) và Tờ trình Chính phủ số 161/TTr-BTC ngày 24/7/2023 về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi). Ngày 28/7/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7/2023, trong đó có nội dung về dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi);

Ngày 08/9/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 9609/BTC-CST báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), Luật thuế GTGT (sửa đổi); Ngày 03/10/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 10619/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) và đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

- Đối với Luật thuế TNDN, ngày 07/9/2023, Bộ Tài chính đã có công văn số 9514/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TNDN (sửa đổi) để hoàn thiện, trình Chính phủ trong thời gian tới.

(iv) Về các Luật thuế BVMT, Luật thuế tài nguyên, Luật thuế XK, NK, Luật thuế TNCN, Luật thuế SDĐNN, Luật thuế SDĐPNN:

Ngày 28/12/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 13827/BTC-CST gửi Bộ Tư pháp về Báo cáo nghiên cứu, rà soát các Luật thuế nêu trên để tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngày 16/3/2023, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KHUBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó có nội dung liên quan đến Báo cáo rà soát các Luật thuế trên.

Theo đó, tại Báo cáo rà soát Luật thuế TNDN, Luật thuế TNCN, Luật thuế bất động sản (thuế SDĐNN, thuế SDĐPNN) đã có các nội dung nghiên cứu đối với phương án cho phép doanh nghiệp được trừ bổ sung theo tỷ lệ nhất định trên cơ sở chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với chi phí tạo tài sản cố định và chi phí lao động; phương án tăng thuế đối với giao dịch chứng khoán, bất động sản.

Xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình

Trong các năm 2022 và 2023, bên cạnh việc chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19, hoạt động sản xuất - kinh doanh một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng (như rượu, bia,...) còn chịu các quy định điều chỉnh tại các pháp luật chuyên ngành có liên quan khác như Luật phòng chống tác hại của rượu, bia; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Do đó, tình hình sản xuất kinh doanh ngành nghề này đã có sự suy giảm đáng kể.

Trong bối cảnh như vậy, với quy định của pháp luật thuế TTĐB hiện hành, việc đề xuất tăng nghĩa vụ thuế sẽ tác động đến KTXH, khó nhận được sự đồng thuận của doanh nghiệp, người dân và chỉ nên thực hiện việc tăng thuế vào thời điểm thích hợp khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, doanh nghiệp ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh⁷⁷.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang triển khai thực hiện lập hồ sơ đề nghị xây dựng đề án Luật thuế TTĐB (sửa đổi), trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, xin ý kiến chỉ đạo để hoàn thiện hồ sơ, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp vào đề nghị của Chính phủ bổ sung Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2024 của Quốc hội theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2024) và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024) theo thời gian dự kiến đã được Thường trực Chính phủ đưa ra tại cuộc họp ngày 21/7/2023 về đề nghị xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) và Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 28/7/2023 Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

((Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này))

⁷⁷Nội dung này Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 655/TTr-BTC ngày 14/6/2021 về việc xin chủ trương xây dựng dự án Luật thuế TTĐB (sửa đổi) và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính.

- Việc điều hành, điều hòa, sử dụng nguồn vốn thuộc Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội theo Nghị quyết số 43

Tại Nghị quyết số 93/2023/QH15, Quốc hội đã quyết nghị cho phép điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án của Chương trình với các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được bố trí vốn trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công và bố trí nguồn vốn thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong các năm 2024, 2025 để hoàn thành các dự án theo đúng Nghị quyết 43.

Thực hiện chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính có các văn bản số... hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện việc điều chỉnh linh hoạt giữa kế hoạch vốn của Chương trình và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhằm đẩy nhanh tiến độ, cố gắng giải ngân tối đa kế hoạch vốn của Chương trình trong năm 2023.

Nhờ đó, các bộ, cơ quan, địa phương đã điều chỉnh...tỷ đồng kế hoạch vốn của Chương trình để bổ sung cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023, qua đó đã bổ sung thêm nguồn lực đẩy nhanh việc thực hiện, sớm hoàn thành các nhiệm vụ, đưa các dự án vào khai thác, sử dụng.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Đối với việc điều hòa linh hoạt giữa vốn thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và vốn thuộc Chương trình

6. Việc ban hành và thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách khác thuộc thẩm quyền của Chính phủ

a) Kết quả đạt được

- Các chính sách tài khóa khác đã ban hành và kết quả thực hiện.
- Các chính sách tiền tệ khác đã ban hành và kết quả thực hiện.
- Kết quả phối hợp, điều hành linh hoạt kế hoạch chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ theo thẩm quyền.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

((Đề nghị Bộ Tài chính, NHNNVN bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này))

Phần thứ ba**VIỆC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA****I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC****1. Về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

a) Kết quả thực hiện

b) Đánh giá chung

2. Về công tác lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Tình hình triển khai thực hiện

- Về lập báo cáo nghiên cứu khả thi

- Về thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi

- Về phê duyệt dự án

b) Đánh giá chung

3. Về công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán

a) Tình hình triển khai thực hiện

- Về lập thiết kế kỹ thuật, dự toán

- Về thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán

- Về phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán

b) Đánh giá chung

4. Về công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Tình hình triển khai thực hiện

(bao gồm công tác trồng rừng thay thế...)

b) Đánh giá chung

5. Về công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

a) Tình hình triển khai thực hiện

b) Đánh giá chung

6. Về công tác bố trí vốn và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

a) Tình hình triển khai thực hiện

b) Đánh giá chung

7. Về công tác thi công xây dựng công trình

- a) Tình hình triển khai thực hiện
- b) Về công tác giải ngân
- c) Đánh giá chung

8. Về công tác quản lý chất lượng, công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào khai thác, quyết toán công trình

- a) Tình hình triển khai thực hiện
- b) Đánh giá chung

9. Về công tác vận hành, khai thác và tổ chức thu phí

- a) Tình hình triển khai thực hiện
- b) Đánh giá chung

10. Đánh giá về việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng cho dự án

10.1. Kết quả đạt được

10.2. Những tồn tại, hạn chế

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

2. Nguyên nhân chủ quan

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này)

Phần thứ tư

NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Các kết quả đạt được

- Đánh giá chung kết quả đạt được trong việc ban hành và chấp hành chính sách, pháp luật trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách quy định tại Nghị quyết số 43.

Nhìn chung, việc xây dựng, ban hành và chấp hành chính sách, pháp luật liên quan đến Nghị quyết 43 của Quốc hội đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương; các cấp, các ngành chủ động, khẩn trương triển khai nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật, đưa chính sách đi vào cuộc sống nhanh, hiệu quả, đúng đối tượng, tránh trục lợi. Qua đó đã góp phần không nhỏ trong quá trình hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và tạo nền tảng phát triển sau đại dịch.

- Đánh giá tác động của việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 43 trong đảm bảo an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, ổn định vĩ mô, phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Nhìn chung, sau 02 năm triển khai cho thấy việc ban hành và triển khai Nghị quyết 43, Chương trình phục hồi và phát triển KTXH là quyết sách đúng đắn, kịp thời của Quốc hội trong hoàn cảnh tình hình phát triển KTXH của đất nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19.

Nghị quyết được ban hành tại Kỳ họp bất thường với nhiều chính sách chưa từng có tiền lệ đã hỗ trợ cho công tác phòng, chống, kiểm soát dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển KTXH đạt được nhiều kết quả tích cực, cổ vũ tinh thần cho người dân, doanh nghiệp và bổ sung một nguồn lực lớn từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác để bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, ổn định kinh tế vĩ mô; qua đó đã hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và phát triển nhanh sau dịch COVID-19, nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, thành phần kinh tế.

- Đánh giá chung kết quả đạt được trong việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia.

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung, cập nhật các thông tin, số liệu về nội dung này)

2. Các tồn tại, hạn chế

a) Về việc thực hiện Nghị quyết 43

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, việc thực hiện Nghị quyết 43 cũng gặp phải một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như: (1) Việc ban hành một số văn bản hướng dẫn chi tiết còn chậm so với yêu cầu đề ra; (2) Chưa dự báo, tính toán, lường hết được các khó khăn, vướng mắc, thách thức trong triển khai thực hiện; (3) Việc thực hiện và giải ngân một số chính sách còn chưa được như kỳ vọng; (4) Việc triển khai các chính sách hỗ trợ ở một số nơi, một số chỗ, một số thời điểm còn chưa linh hoạt, chủ động, quyết liệt...

b) Về việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia

3. Nguyên nhân

a) Về việc thực hiện Nghị quyết 43

Các nguyên nhân cho các thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế đã được Chính phủ phân tích, chỉ ra ở các phần trên, chủ yếu do các khó khăn, vướng mắc mang tính khách quan trong quá trình xây dựng và triển khai các chính sách thuộc Chương trình; sự thay đổi nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường, vượt quá khả năng dự báo trong tình hình thế giới, khu vực và cả trong nước; công tác phòng chống dịch COVID-19, mở cửa nền kinh tế được triển khai thuận lợi; điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ gặp nhiều khó khăn...

4. Bài học kinh nghiệm

a) Về việc thực hiện Nghị quyết 43

- Theo dõi sát tình hình, có phương án ứng phó, điều chỉnh kịp thời với các tình huống cấp bách, bất ngờ phát sinh, có tính đến độ trễ trong xây dựng, thực thi chính sách; tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, các dự án thuộc Chương trình.

- Thiết kế chính sách cần có sự tham gia của các cấp, các ngành trực tiếp triển khai nhằm lường trước các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tính khả thi của chính sách, tránh trường hợp chính sách tốt nhưng khó thực hiện.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, dự báo tình hình kinh tế, tài chính, tiền tệ, ngân hàng, các rủi ro, bất ổn có khả năng tác động, ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam, theo dõi sát các diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả thị trường, chủ động và linh hoạt các biện pháp điều tiết cung cầu và bình ổn thị trường phù hợp, triển khai các biện pháp phát triển thị trường trong nước.

- Điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và mục tiêu chính sách tiền tệ. Chủ động thực hiện linh hoạt, duy trì kiểm soát hiệu quả các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại và nâng cao chất lượng của các tổ chức tín dụng.

- Nâng cao hiệu quả của công tác dự báo, xác định đối tượng thụ hưởng, bám sát thực tế để lường trước các khó khăn, vướng mắc trong triển khai chính sách nhằm chủ động giải pháp trong quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong việc xây dựng, ban hành, thực hiện, giám sát và đánh giá tình hình triển khai các chính

sách, kịp thời đề xuất phương án điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực đã được Quốc hội quyết nghị.

- Nâng cao tính chủ động, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, đồng bộ, thống nhất trong tham mưu, xây dựng, tổ chức thực hiện và thông tin, truyền thông về chính sách gắn với đẩy mạnh phân công, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Chủ động, linh hoạt trong triển khai, phổ biến nhân rộng các cách làm hay, kinh nghiệm tốt để bảo đảm hiệu quả thực thi chính sách.

- Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế, tranh thủ huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài với chi phí phù hợp, đáp ứng yêu cầu nguồn lực thực tế thực hiện Chương trình; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, trục lợi chính sách.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các hệ thống cơ sở dữ liệu, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm triển khai các chính sách hỗ trợ nhanh, hiệu quả, tránh nhầm lẫn, sai sót, trục lợi chính sách.

II. ĐỀ XUẤT CÁC NHÓM GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp về thể chế, cơ chế

Tiếp tục thí điểm, nghiên cứu các cơ chế, chính sách đã chứng minh hiệu quả để cụ thể hóa trong quy định pháp luật hiện hành hoặc tiếp tục đề xuất triển khai trong thời gian tới.

2. Nhóm giải pháp về tổ chức, thực hiện

Tại Nghị quyết số 110/2023/QH15, Quốc hội đã cho phép tiếp tục thực hiện một số nội dung của Chương trình trong năm 2024, bao gồm:

a) Bổ sung nội dung đầu tư các dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa, mua sắm đầu tư trang thiết bị các bệnh viện vào điểm a mục 1.2 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và cho phép chuyển nguồn 2.920,7 tỷ đồng nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021 bố trí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động còn dư sang năm 2024 cho các Bộ, cơ quan trung ương để triển khai thực hiện các dự án thuộc nội dung đầu tư này.

b) Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước bố trí cho các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chính phủ sẽ tích cực đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương liên quan quyết liệt triển khai các nội dung được Quốc hội cho phép thực hiện nêu trên nhằm phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực được Quốc hội cho phép thực hiện, cố gắng giải ngân tối đa nguồn vốn của Chương trình trong năm 2024.

Trên đây là nội dung về thực hiện Nghị quyết 43 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023, Chính phủ báo cáo Đoàn giám sát của Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTBXH, GTVT, TTTT, YT, KHCN, GDĐT;
- NHNNVN;
- NHCSXH;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính